



Số: 14036 /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch đầu tư công năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

I. Tổng nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư công năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, tổng vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh Khánh Hòa là **10.095,925 tỷ đồng**. Cụ thể:

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là **5.444,64 tỷ đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 3.129.64 tỷ đồng; trong đó: cấp tỉnh là 2.661,787 tỷ đồng và cấp huyện là 467,853 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.000 tỷ đồng; trong đó: cấp tỉnh là 1.415 tỷ đồng và cấp huyện là 585 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 315 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương¹ là **1.383,7 tỷ đồng**.

3. Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ (vốn trong nước): **3.230,336 tỷ đồng**; trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực là 2.152,205 tỷ đồng.

- Nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 bố trí cho dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa là 400 tỷ đồng.

¹ Bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Trung ương năm 2021 bố trí cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là 530 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Trung ương bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia là 148,131 tỷ đồng, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN là 78,366 tỷ đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 69.765 tỷ đồng.

4. Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (cấp phát từ ngân sách Trung ương): **37,249 tỷ đồng.**

II. Dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025

Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 căn cứ theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và phân bổ vốn đầu tư cho các dự án theo ngành, lĩnh vực được dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh², căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 và công văn số 8222/BKHĐT-TH ngày 08/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025. Cụ thể:

- (i) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có); (ii) Bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2025 theo thời gian bố trí vốn; (iii) Bố trí trả nợ vốn vay đến hạn; (iv) Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (v) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ đồng thời đảm bảo thời gian bố trí vốn của các dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công 2019; (vi) Bố trí đủ vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và các nhiệm vụ sử dụng nguồn đầu tư công khác theo quy định; (vii) Bố trí vốn cho dự án khởi công mới phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã trình cấp có thẩm quyền sau khi đã bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên.

- Các dự án phải hoàn thành thủ tục đầu tư, được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án theo quy định trước kỳ họp thứ 16 của HĐND tỉnh.

III. Dự kiến danh mục và bố trí kế hoạch vốn đầu tư năm 2025 theo từng nguồn vốn

² Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2023, Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024, Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2024, Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024, Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2024, Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương

1.1. Nguồn vốn trung ương (vốn trong nước)

Dự kiến kế hoạch vốn năm 2025 là **3.230,336 tỷ đồng**; bố trí cho danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, gồm các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025, bố trí cho các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã trình cấp có thẩm quyền, theo nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư, cụ thể:

a) Phân bổ cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là **3.082,205 tỷ đồng³**, bao gồm:

- Phân bổ các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025 theo ngành, lĩnh vực là 541,296 tỷ đồng, trong đó: (i) Y tế, dân số và gia đình là 173,164 tỷ đồng⁴; (ii) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản là 306,629 tỷ đồng⁵; (iii) Giao thông là 61,503 tỷ đồng⁶.

- Phân bổ các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 theo ngành, lĩnh vực là 2.540,909 tỷ đồng, trong đó: (i) Giao thông là 2.345 tỷ đồng⁷; (ii) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản là 65 tỷ đồng⁸; (iii) Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế là 130,909 tỷ đồng⁹.

b) Phân bổ vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia là **148,131 tỷ đồng**, trong đó: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 78,366 tỷ đồng, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 69,765 tỷ đồng.

1.2. Vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách Trung ương (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài)

Dự kiến nguồn vốn nước ngoài cấp phát từ ngân sách Trung ương (vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài) là 37,249 tỷ đồng, bố trí cho dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an

³ Bao gồm nguồn tăng thu ngân sách Trung ương năm 2022 bố trí cho dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa là 400 tỷ đồng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách Trung ương năm 2021 bố trí cho Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 là 530 tỷ đồng.

⁴ Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025.

⁵ Gồm có: Dự án Hồ chứa nước Sơn Trung; Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2); Kè bảo vệ hai bên sông Bà Bường (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã).

⁶ Dự án Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C); Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương bằng đến đường Lê Lợi (đường C1)).

⁷ Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh; Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận; Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa.

⁸ Dự án Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh.

⁹ Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B).

ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương

Vốn ngân sách địa phương: **6.828,34 tỷ đồng**; trong đó: nguồn XDCB tập trung là 3.129,64 tỷ đồng, nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối là 2.000 tỷ đồng, nguồn thu xổ số kiến thiết là 315 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương¹⁰ là 1.383,7 tỷ đồng¹¹, phân bổ như sau:

- (1) Trả nợ vốn vay: 46,3 tỷ đồng;
- (2) Vốn chuẩn bị đầu tư: 48,991 tỷ đồng;
- (3) Trả nợ quyết toán: 14,798 tỷ đồng;
- (4) Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng: 14,092 tỷ đồng;
- (5) Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 88,9 tỷ đồng;
- (6) Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa: 407,5 tỷ đồng.
- (7) Trích 10% nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất: 141,5 tỷ đồng.
- (8) Nguồn vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia là 205,704 tỷ đồng; trong đó: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 169,5 tỷ đồng; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 15,045 tỷ đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 21,159 tỷ đồng.
- (9) Nguồn vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện theo khoản 2 Điều 62 Luật Đầu tư công là 267,831 tỷ đồng.
- (10) Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý phân bổ cho từng chủ đầu tư là 4.539,871 tỷ đồng, cụ thể:
 - Văn phòng Tỉnh ủy: 11,028 tỷ đồng.
 - Sở Giao thông Vận tải: 7,089 tỷ đồng;
 - Sở Khoa học và Công nghệ: 99,8 tỷ đồng;
 - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: 5 tỷ đồng;
 - Sở Nông nghiệp và PTNT: 6,1 tỷ đồng;

¹⁰ Bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

¹¹ Bố trí cho các dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy, gồm có: (1) Dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh là 250 tỷ đồng; (2) Dự án Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa là 150 tỷ đồng; (3) Dự án Nâng cấp, mở rộng Cải tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1) là 250 tỷ đồng; (4) Dự án Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II) là 200 tỷ đồng; (5) Dự án Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1 là 533,7 tỷ đồng.

- Sở Thông tin và Truyền thông: 35 tỷ đồng;
- Sở Văn hóa và Thể thao: 11,816 tỷ đồng;
- Sở Xây dựng: 4,168 tỷ đồng;
- Ban QLDA Phát triển tỉnh: 499,161 tỷ đồng;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT: 264,686 tỷ đồng;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông: 1.438,26 tỷ đồng;
- BQL KKT Vân Phong: 300 tỷ đồng;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: 12,94 tỷ đồng;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 5 tỷ đồng;
- Công an tỉnh: 212,04 tỷ đồng;
- BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà: 0,121 tỷ đồng;
- BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa: 0,48 tỷ đồng;
- Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa: 1,353 tỷ đồng;
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương: 1,675 tỷ đồng;
- Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa: 0,898 tỷ đồng;
- Trường Đại học Khánh Hòa: 0,096 tỷ đồng.
- UBND huyện Cam Lâm: 6,892 tỷ đồng.
- UBND huyện Diên Khánh: 63,01 tỷ đồng.
- UBND huyện Khánh Sơn: 305 tỷ đồng.
- UBND huyện Khánh Vĩnh: 151,569 tỷ đồng.
- UBND thành phố Nha Trang: 26,165 tỷ đồng.
- UBND thị xã Ninh Hòa: 136,9 tỷ đồng.
- UBND huyện Vạn Ninh: 933,624 tỷ đồng.

(11) Nguồn vốn phân cấp cho cấp huyện quản lý: 1.052,853 tỷ đồng, cụ thể:

- UBND thành phố Nha Trang: 297,189 tỷ đồng.
- UBND thành phố Cam Ranh: 262,644 tỷ đồng.
- UBND thị xã Ninh Hòa: 128,832 tỷ đồng.
- UBND huyện Vạn Ninh: 103,104 tỷ đồng.
- UBND huyện Cam Lâm: 52,2 tỷ đồng.
- UBND huyện Diên Khánh: 91,452 tỷ đồng.
- UBND huyện Khánh Sơn: 43,836 tỷ đồng.
- UBND huyện Khánh Vĩnh: 73,596 tỷ đồng.

IV. Dự kiến kết quả đạt được

Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đã tập trung bố trí kế hoạch vốn cho các dự án phù hợp với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Phân bổ vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là lĩnh vực giao thông, bố trí vốn cho các dự án có tính chất lan tỏa, liên kết vùng.

a) Với nguồn vốn đầu tư công năm 2025 như đã báo cáo ở mục 1 phần IV nêu trên, dự kiến sẽ bố trí kế hoạch vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý (bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ) với tổng vốn là **9.043,072** tỷ đồng, trong đó bao gồm:

- Bố trí vốn cho 118 dự án với tổng kế hoạch vốn là 7.655,157 tỷ đồng (bình quân kế hoạch vốn bố trí cho 01 dự án là 64,9 tỷ đồng); trong đó bố trí cho 12 dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 22/12/2023 của Tỉnh ủy¹² với tổng kế hoạch vốn là 5.493,968 tỷ đồng (bình quân kế hoạch vốn bố trí cho 01 dự án trọng điểm là 457,8 tỷ đồng). Chi tiết bố trí như sau: Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025 là 92 dự án với tổng kế hoạch vốn là 1.995,138 tỷ đồng; Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025 là 22 dự án với tổng kế hoạch vốn là 4.808,893 tỷ đồng; Dự án khởi công mới là 04 dự án với tổng kế hoạch vốn là 851,126 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia là 353,835 tỷ đồng; trong đó: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 169,5 tỷ đồng; Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 93,411 tỷ đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 90,924 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các lĩnh vực khác (trả nợ vốn vay; vốn chuẩn bị đầu tư; trả nợ quyết toán; bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện; hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng; vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực núi Chín Khúc; Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065; bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa; trích 10% nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất) là 1.034,08 tỷ đồng.

¹² Bao gồm: (1) Dự án Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa; (2) Chính trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II); (3) Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; (4) Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh (03 dự án thành phần); (5) Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận (02 dự án thành phần); (6) Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2) (03 dự án thành phần); (7) Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa (03 dự án thành phần); (8) Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa; (9) Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1); (10) Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; (11) Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã; (12) Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1.

Cơ cấu phân bổ nguồn vốn cấp tỉnh quản lý cho các ngành, lĩnh vực như sau: Giao thông chiếm 47,2%; Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản chiếm 7,4%; Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế chiếm 4,8%; Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp chiếm 2,0%; Khoa học, công nghệ chiếm 1,1%; Y tế, dân số và gia đình chiếm 1,9%; Văn hóa thông tin, thể thao chiếm 1,0%; Công nghệ thông tin chiếm 0,5%; Bảo vệ môi trường chiếm 0,6%; Quản lý nhà nước chiếm 2,3%; Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội chiếm 2,5%; hạ tầng các khu tái định cư chiếm 9,6%; Bố trí vốn cho các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia chiếm 3,9%; Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025 chiếm 3,8%; Lĩnh vực khác chiếm 11,4%.

b) Đối với nguồn vốn phân cấp do cấp huyện (bao gồm cấp xã) quản lý là **1.052,853 tỷ đồng**: UBND cấp huyện, xã đầu tư theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư đã nêu tại **mục 2**, phân bổ cho các dự án theo ngành, lĩnh vực, chương trình được HĐND huyện, xã thông qua.

V. Thẩm quyền quyết định

1. Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 83 Luật Đầu tư công 2019 quy định:

“Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

...

2. Xem xét, cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.”

2. Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ khoản 2 Điều 84 Luật Đầu tư công năm 2019

“Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

....

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các nội dung sau đây:

a) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương;

b) Xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật này;

c) Xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án do địa phương quản lý.”

VI. Kiến nghị

Để có cơ sở triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh phê duyệt Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tại kỳ họp thứ 16.

VII. Một số giải pháp triển khai thực hiện

Để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 đạt hiệu quả, UBND tỉnh chỉ đạo tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

1. Các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện, các Chủ đầu tư quán triệt và thực hiện tốt công tác tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt hoặc chưa được bố trí vốn kế hoạch. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2025 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo UBND cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây những nhiễu, phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

3. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ về nguồn vốn và thủ tục đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm theo Nghị quyết số 35-NQ/TU của Tỉnh ủy:

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất giai đoạn 2023-2025 và năm 2025 để bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm theo Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh.

- Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương¹³ năm 2025 để bố trí nguồn vốn cho các dự án đầu tư công trọng điểm. Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

¹³ Bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong khẩn trương thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong giai đoạn 2022-2027 khi thực hiện điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Các đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm khẩn trương thực hiện các thủ tục lập, trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư theo quy định, sớm triển khai thực hiện các dự án theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

4. Chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt đối với công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó:

- Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc với từng chủ đầu tư, từng địa phương để rà soát từng dự án, từng nội dung vướng mắc liên quan đến công tác phê duyệt giá đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư để có hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố (có dự án đầu tư trên địa bàn thuộc mình quản lý): khẩn trương thực hiện hoàn thành công tác kiểm đếm khối lượng giải tỏa; xác minh nguồn gốc sử dụng đất; lập phương án bồi thường, niêm yết công khai lấy ý kiến, hoàn chỉnh phương án giá đất và quyết định phê duyệt giá đất cụ thể, kịp thời báo cáo các vướng mắc phát sinh cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh hướng xử lý, tháo gỡ.

- Các chủ đầu tư có trách nhiệm chủ động phối hợp với địa phương để đẩy nhanh công tác bồi thường, bồi thường của dự án; yêu cầu các nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ, “thi công 3 ca, 4 kíp”, “làm việc xuyên ngày nghỉ, ngày lễ” ngay sau khi được địa phương bàn giao mặt bằng thi công.

5. Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương: Khẩn trương thẩm định dự án đầu tư theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành. Tham mưu xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, góp phần thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

6. Đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư khẩn trương hoàn tất các thủ tục đấu thầu, lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật để sớm triển khai thi công. Đối với các dự án đang triển khai thi công, yêu cầu chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu khẩn trương thi công theo đúng tiến độ, đạt khối lượng theo yêu cầu; đồng thời chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng (theo phân cấp) để kiểm tra công tác nghiệm thu theo kế hoạch, làm cơ sở để giải ngân kịp thời.

Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, tăng cường phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan giải quyết các vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư để triển khai thi công đảm bảo đúng tiến độ dự án. Đối với phần diện tích không vướng bồi thường giải tỏa, đã được bàn

giao mặt bằng, các chủ đầu tư có trách nhiệm khẩn trương triển khai thi công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

7. Xác định trách nhiệm cụ thể các cá nhân, tập thể và các Sở, ngành có liên quan đến việc không hoàn thành giải ngân kế hoạch hằng năm theo Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về ban hành bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

8. Kho bạc Nhà nước tỉnh chỉ đạo các Kho bạc Nhà nước địa phương có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho các chủ đầu tư về trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán theo đúng quy định của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư khi thực hiện thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành công trình tại Kho bạc Nhà nước, nhằm thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư công theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

9. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư, của UBND cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

UBND tỉnh kính trình./.

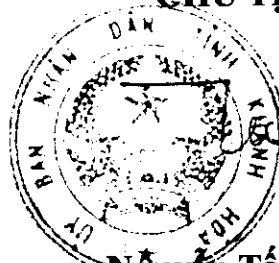
(Gửi kèm:

- Phụ lục 1: Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Khánh Hòa;
- Phụ lục 2: Kế hoạch đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025;
- Phụ lục 3: Kế hoạch đầu tư Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2025;
- Phụ lục 4: Kế hoạch đầu tư Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025;
- Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Tờ trình số 14016/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP (*)
							Trong đó:											
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA										
	TỔNG SỐ									10.095.925	3.129.640	2.000.000	315.000	2.300.336	930.000	37.249	1.383.700	
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ									9.043.072	2.661.787	1.415.000	315.000	2.300.336	930.000	37.249	1.383.700	
A.1	Trả nợ vốn vay								120.485	46.300	46.300	0	0	0	0	0	0	
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án Nha Trang									838	838							
2	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập									6.400	6.400							
3	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)									240	240							
4	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG									1.630	1.630							
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án TP. Nha Trang									37.192	37.192							
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư								101.009	48.991	48.991							
A.3	Vốn thực hiện đầu tư									8.947.781	2.566.496	1.415.000	315.000	2.300.336	930.000	37.249	1.383.700	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									176.557	31.057	0	145.500	0	0	0	0	
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									170.117	28.817	0	141.300	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	89/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1189/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	30.988	30.988		7.449	14.000			14.000				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bộ chi NSDP (*)	
							Tổng số	Vốn NS tỉnh						Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ				
2	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (giai đoạn 2)	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	03/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2027/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	35.734	35.734		17.500	16.000				16.000								
3	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới ký túc xá Trường trung cấp nghề Cam Ranh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Cam Ranh	2022-2024	21/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 86/NQ-HĐND ngày 07/11/2023	219/QĐ-UBND ngày 30/01/2022; 3121/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 1803/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	11.460	11.460		7.026	3.000	3.000											
4	Nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa	Trường Đại học Khánh Hòa	Nha Trang	2022-2024	52/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	230/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	59.925	59.925		48.955	96			96									
5	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2012-2024		2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021; 358/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 1165/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; 358/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	74.935	74.935		48.514	21.336		21.336										
6	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn ŀng	BQL DABT XD các CT GT	NT	2006-2025		131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2914/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	562.820	562.820		242.723	6.885	6.885											
7	Trường mầm non Sóc Nâu, xã Cam An Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	xã Cam An Nam	2022-2023	61/NQ-HĐND 17/12/20	820/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.072	4.550		2.550	2.000			2.000									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
															Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
8	Trường THCS Sơn Lâm	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình	2024-2025	1251/QĐ-UBND ngày 01/10/2020; 08/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1059/QĐ-UBND ngày 05/6/2024				22.000	22.000		6.500	15.500				15.500				
9	Trường Mầm non Sao Mai	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Ba Cụt Bắc	2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 24/11/2020; 07/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3598/QĐ-UBND ngày 23/11/2023				27.000	27.000		1.700	25.300				25.300				
10	Trường mầm non Phong Lan	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Lâm	2023-2025	33/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	2592/QĐ-UBND ngày 14/10/2023				24.000	24.000		8.000	16.000				16.000				
11	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2025	139/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023				79.952	79.952		2.085	50.000	18.932			31.068				Công ty cổ phần Đầu tư VCN thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên khu đất và bàn giao lại quỹ đất để có hạ tầng cho Ban QLDA Phát triển tỉnh để đầu tư xây dựng công trình.
b	Dự án khởi công mới năm 2025												6.440	2.240	0	4.200	0	0	0	0	0	
1	Trường Mầm non Vạn Lương: Xây mới 04 phòng học	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	xã Vạn Lương, Vạn Ninh	2025	15/NQ-HĐND ngày 17/3/2021	461/QĐ-UBND ngày 18/5/2021				3.198	2.240		0	2.240	2.240							
2	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	2024-2025	66/NQ-HĐND 17/12/20	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024				11.890	4.200		0	4.200			4.200					
II	Khoa học, công nghệ												99.800	99.800	0	0	0	0	0	0	0	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025												99.800	99.800	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 782/QĐ-UBND ngày 25/3/2024				137.215	137.215		80.636	51.500	51.500							

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bồi chi NSDP (*)		
							Trong đó:												
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA											
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	ĐK	2019-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022; 783/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	97.586	97.586	44.300	48.300	48.300								
III	Y tế, dân số và gia đình									173.164	0	0	0	173.164	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									173.164	0	0	0	173.164	0	0	0		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	trên địa bàn tỉnh	2022-2025	53/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	128/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	409.694	209.694	200.000	156.836	173.164			173.164					
IV	Văn hóa thông tin, thể thao									91.816	91.816	0	0	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									91.816	91.816	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nhà Trang	2022-2025	123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	544.577	544.577	400.000	80.000	80.000							Dự án trọng điểm	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao 33 Phan Chu Trinh	Sở VH TT	NT	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	2150/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	14.622	14.622	4.700	7.300	7.300								
3	Tu bổ di tích Đình Phong Thạnh	Sở VH TT	Ninh Hòa	2023-2024	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698	600	2.050	2.050								
4	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Sở VH TT	Ninh Hòa	2023-2024	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899	650	2.200	2.200								
5	Tôn tạo cảnh quan di tích địa điểm lưu niệm Tàu C235	Sở VH TT	xã Ninh Văn, thị xã Ninh Hòa	2022-2024	53/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1995/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	5.453	500		266	266								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW bổ trợ		Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
V	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									50.000	50.000	0	0	0	0	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									50.000	50.000	0	0	0	0	0	0				
I	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển/ánh	NT	2018-2024	412/HĐND ngày 13/12/2017	3182/QĐ-UBND ngày 15/12/2017, 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022, 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	759.516	546.733	212.783	596.565	50.000	50.000									
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									665.039	50.461	5.700	0	371.629	0	37.249	200.000				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									355.353	11.475	0	0	306.629	0	37.249	0				
1	Hồ chứa nước Sơn Trung	Sơ NN&PTNT	Khánh Sơn	2022-2026	37/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	889/QĐ-UBND ngày 19/4/2021, 897/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	265.000	85.000	180.000	85.000	180.000			180.000							
2	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương	Khánh Vĩnh	2021-2025	46/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000		7.325	1.675	1.675									
3	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880		5.400	480	480									
4	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		939	898	898									
5	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	2021-2025	49/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659		1.332	121	121									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)		
							Trong đó:												
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA											
6	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	2021-2025	30/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350		8.009	1.353	1.353							
7	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D.An-D.Toàn	2022-2025	33/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	119.714	20.000	80.000	36.500	63.500			63.500					
8	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	2022-2024	3915/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 2525/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 927/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	39.493	30.870		29.308	692	692							
9	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2025	125/NQ-HĐND ngày 14/9/2021	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		410	10	10							
10	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Vĩnh	BQL Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 – 2025 (Hạt Kiểm lâm Khánh Vĩnh)	Khánh Vĩnh	2023-2025	76/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1411/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 90/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	1.850	1.850		0	69	69							
11	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	135/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		308	77	77							
12	Kè bảo vệ hai bên sông Bà Bường (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	04/NQ-HĐND ngày 14/02/2023	2388/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	119.800		96.853	33.724	63.129			63.129					
13	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sơ NN&PTNT	Cam Lâm	2021-2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021, 2997/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1333/QĐ-UBND ngày 20/3/2021, 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	9.260	56.749	22.400	43.349	6.100				37.249			
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025									65.000	0	0	0	65.000	0	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)			
							Tổng số	Vốn NS tỉnh											Vốn NSTW, ODA	
																				Trong đó:
1	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên An	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 15/5/2020; 16/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	100.000	70.000	6.167	65.000					65.000				
c	Dự án khởi công mới năm 2025										244.686	38.986	5.700	0	0	0	0	200.000		
1	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đông, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 06/12/2023		600.000	600.000		5.314	244.686	38.986	5.700					200.000	Dự án trọng điểm	
VII	Giao thông										4.266.767	580.681	879.583	0	1.476.503	930.000	0	400.000		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										181.892	120.389	0	0	61.503	0	0	0		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)	BQL DABT XD các CT GT	Nha Trang			2641/QĐ-UBND 24/10/2013; 224/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	120.830	120.830		90.137	6.000	6.000								
2	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	732/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.559	6.559		4.900	1.459	1.459								
3	Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	44/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	729/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.146	6.146		4.200	1.364	1.364								
4	Sửa chữa đường ĐT.652D (Tỉnh lộ 1B)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	43/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	730/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	9.600	9.600		6.500	2.018	2.018								
5	Sửa chữa đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	Sở GTVT	Khánh Vĩnh và Ninh Hòa	2024-2025	42/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	731/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	14.813	14.813		10.100	2.248	2.248								
6	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2025	91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 120/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	175.573	39.300	120.000	130.000	29.300	29.300								
7	Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	N.Bình - N.Xuân	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	3799/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2022; 15767/QĐ-CTUBND ngày 17/11/2023	59.510	42.000		34.000	8.000	8.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)	
							Tổng số	Trong đó:										
8	Cầu Mương Quan, xã Diên Phú	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Phú	2021-2024	32/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	147/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 268/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	61.541	28.000		15.000	13.000	13.000						
9	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2022-2025	34/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	251/QĐ-UBND 20/12/2021	130.258	20.000	73.516	68.713	24.803			24.803				
10	Xây dựng mới cầu trên đường D6 (ngã 3 Kim Đồng - Lạc Long Quân)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 12/NQ-HĐND ngày 21/3/2024	1115/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	79.000	64.000		7.000	57.000	57.000						
11	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương Bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CPhù-CPNam-CPBắc	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 21/12/2020; 62/NQ-HĐND ngày 09/11/2023	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1813/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	326.280	93.470	120.000	157.770	36.700			36.700				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025									3.484.875	415.792	474.083	0	1.415.000	930.000	0	250.000	
1	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ	BQL DABT XD các CT GT	Cam Ranh	2021-2024	55/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	426/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	99.943	99.943		47.323	17.677	17.677						
2	Cầu qua sông Kim Bồng	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		39.917	30.000	30.000	0					
3	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DABT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		23.500	150.000	150.000						
4	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	BQL DABT XD các CT GT	Ninh Hòa	2022-2026	58/2022/QH.15 ngày 16/6/2022	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	5.333.307	303.350	5.029.957	2.499.350	1.375.000			845.000	530.000			Dự án trọng điểm
5	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DABT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1964/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	186.885	518.115	218.115		50.000			250.000	Dự án trọng điểm

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ					
12	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		0	70.000				70.000			Dự án trọng điểm		
13	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Vạn phong	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND- VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	354.374	400.000					400.000		Dự án trọng điểm		
14	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND- VP ngày 08/11/2024		230.357	230.357		0	80.000				80.000			Dự án trọng điểm		
15	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618			40.000				40.000			Dự án trọng điểm		
c	Dự án khởi công mới năm 2025										600.000	44.500	405.500	0	0	0	0	150.000		
1	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	BQL DAĐT XD các CT GT	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-HĐND ngày 12/7/2024		887.000	887.000		882	600.000	44.500	405.500				150.000	Dự án trọng điểm		
VIII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế										433.297	0	52.388	0	130.909	0	0	250.000		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										2.388	0	2.388	0	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)			
							Tổng số	Vốn NS tỉnh											Vốn NSTW, ODA	
																				Trong đó:
1	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đặc Lọc	UBND TP Nha Trang	Nha Trang			3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018, 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024	26.460	26.460			2.388			2.388						
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025									430.909	0	50.000	0	130.909	0	0	250.000			
1	Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyền Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Vân Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		92.034	300.000			50.000				250.000		Dự án trọng điểm
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Vân phong	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKCT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	143.867	130.909				130.909					Đang trình bổ sung trung hạn nguồn NSTW là 118,56 tỷ đồng; KH trung hạn nguồn TW 2021-2025 sau khi điều chỉnh là 148,909 tỷ đồng
IX	Công nghệ thông tin									46.028	46.028	0	0	0	0	0	0			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									46.028	46.028	0	0	0	0	0	0			
1	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1)	Sở TTTT	Nha Trang	2022-2024	91/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	185/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	55.027	55.027		20.000	35.000	35.000								
2	Xây dựng Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Nha Trang	2023-2025	45/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1969/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	22.955	22.955		10.972	11.028	11.028								
X	Xã hội									13.000	13.000	0	0	0	0	0	0			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									13.000	13.000	0	0	0	0	0	0			
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Bảo trợ xã hội Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	117/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3419/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	59.712	59.712		31.600	8.000	8.000								
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		54.000	5.000	5.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA				Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP (*)
XI	Quản lý nhà nước									200.000	200.000	0	0	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									200.000	200.000	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	2995/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	544.662	543.110	226.751	200.000	200.000							Dự án trọng điểm	
XII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội									229.980	229.980	0	0	0	0	0	0		
(1)	Công an tỉnh									212.040	212.040	0	0	0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									212.040	212.040	0	0	0	0	0	0		
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Bình, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Bình	2022-2024	103/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	384/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.474	5.474	2.982	2.468	2.468								
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Sơn	2022-2024	99/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	514/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.385	5.385	2.648	2.702	2.702								
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Vân	2022-2024	102/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	521/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.183	5.183	1.612	3.488	3.488								
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Tây	2022-2024	101/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	513/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.485	5.485	3.233	2.198	2.198								
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh An	2022-2024	95/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	893/QĐ-UBND ngày 03/02/2024	5.627	5.627	1.503	4.097	4.097								
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Phú	2022-2024	114/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	382/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.021	5.021	2.692	2.308	2.308								
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Hiệp	2022-2024	115/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	381/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.071	5.071	3.099	1.951	1.951								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thượng, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Thượng	2022-2024	112/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	383/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.726	5.726		1.629	4.071	4.071									
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh	Công an tỉnh	xã Khánh Đông	2022-2024	116/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	380/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	4.939	4.939		2.628	2.272	2.272									
10	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	2023-2025	52/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1960/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.235	6.235		1.500	4.600	4.600									
11	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	2023-2025	51/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1961/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.066	6.056		1.500	4.500	4.500									
12	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	2023-2025	53/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1962/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.991	5.991		1.500	4.400	4.400									
13	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	2023-2025	57/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1963/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.316	5.316		1.500	3.800	3.800									
14	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	2023-2025	59/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1965/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.283	5.283		1.500	3.700	3.700									
15	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2614/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.382	6.382		1.700	4.600	4.600									
16	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	54/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519		1.500	5.000	5.000									
17	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	55/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1964/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.616	6.616		1.500	5.100	5.100									

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú			
						TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022		Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)	
18	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873		1.600	4.200	4.200								
19	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258		1.600	4.600	4.600								
20	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	2023-2025	65/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1959/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.179	6.179		1.500	4.600	4.600								
21	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	2023-2025	62/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2615/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.298	6.298		1.700	4.500	4.500								
22	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	2023-2025	64/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2612/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.333	6.333		1.600	4.600	4.600								
23	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	60/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2718/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.111	6.111		1.600	4.400	4.400								
24	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	61/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2607/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.700	6.700		1.600	5.100	5.100								
25	Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23	CA tỉnh	Nha Trang	2016-2024	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015; 129/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024	3115/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 2785/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 2270/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 3696/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	109.058	88.785	20.273	40.273	68.785	68.785								
26	Nhà khách Công an tỉnh	CA tỉnh	Nha Trang	2023-2025	6285/QĐ-BCA-H01 ngày 15/7/2020; 9452/QĐ-BCA-H01 ngày 19/12/2022; 1092/QĐ-BCA-H01 ngày 27/02/2024	9454/QĐ-BCA-H02 ngày 19/12/2022	293.000	50.000		0	50.000	50.000								
(2)	BCHQS tỉnh									5.000	5.000	0	0	0	0	0	0			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									5.000	5.000	0	0	0	0	0	0				
1	Nhà làm việc Sở chỉ huy Tiểu khu Quân sự tỉnh Stungtreng/Campuchia	BCHQS tỉnh	tỉnh Stung Treng/Campuchia	2023-2025	84/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1306/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	14.912	14.912	9.000	5.000	5.000										
(3)	Bộ Chỉ huy BBBP tỉnh									12.940	12.940	0	0	0	0	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									12.940	12.940	0	0	0	0	0	0				
1	Đóng mới Xuồng tuần tra Đồn biên phòng Dăm Môn (PH358)	BCH BBBP tỉnh	Vạn Ninh	2022-2024	39/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 12/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2053/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	13.500	13.500	560	12.940	12.940										
XIII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư									867.009	138.980	194.329	0	0	0	0	533.700				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									38.900	0	38.900	0	0	0	0	0				
1	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA các CTXD CCT NN&PTNT	Nha Trang	2017-2024	338/NQ-HĐND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 03/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày	90.343	90.343	69.394	20.000		20.000									
2	Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư TDP Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Phường Ninh Diêm, Ninh Hòa	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	15822/QĐ-CTUBND ngày 28/8/2024	21.309	21.309	2.100	18.900		18.900									
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025									828.109	138.980	155.429	0	0	0	0	533.700				
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007	1.000	198.384	138.980	59.404						Dự án trọng điểm			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bộ chi NSDP (*)	
							Trong đó:												
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA											
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000		4.000	583.700			50.000				533.700	Dự án trọng điểm
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, 88/NQ-HĐND ngày 24/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023, 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565		80.800	19.200			19.200					
4	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND 31/3/2016	2273/QĐ-UBND 5/8/2016, 3467/QĐ-UBND 13/11/2018, 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020, 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021, 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022, 1653/QĐ-UBND ngày	161.748	161.748		102.341	26.825			26.825					
XIV	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định										1.024.793	424.162	283.000	169.500	148.131	0	0	0	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, 39/NQ-HĐND ngày 12/7/2024					438.301	169.500		169.500						Chi tiết theo Phụ lục 2
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022, 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023					259.210	93.411	15.045			78.366				Chi tiết theo Phụ lục 3
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022, 29/NQ-HĐND ngày 02/6/2023, 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024					482.288	90.924	21.159			69.765				Chi tiết theo Phụ lục 4

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)	
4	Trả nợ quyết toán								49.238	14.798	14.798											
5	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HEND ngày 19/10/2021				51.438	14.092	14.092											
6	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh								149.000	88.900	88.900											
7	Đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực núi Chín Khúc	Sở Xây dựng	Nha Trang và Diên Khánh			191/QĐ-SXD ngày 12/9/2024	2.800	2.800		109	2.691	2.691										
8	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Xây dựng				2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477			1.477	1.477										
9	Trích 10% cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất									141.500		141.500										
10	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa									407.500	266.000	141.500										
XV	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025		3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2021; 3358/QĐ-UBND ngày 05/12/2022					342.700	342.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										342.700	342.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn, Khánh Sơn	2024-2025	02/NQ-HEND ngày 27/02/2024	914/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	90.000	90.000		25.000	56.000	56.000										
2	Kè chống sạt lở bờ sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Hiệp và Sơn Bình	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Hiệp và Sơn Bình, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HEND ngày 27/02/2024	915/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	60.000	60.000		18.000	38.000	38.000										
3	Hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn	2024-2025	05/NQ-HEND ngày 27/02/2024	1179/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	10.000	10.000		3.800	6.200	6.200										

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025								Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát	Nguồn bội chi NSDP (*)
							Tổng số	Trong đó:													
								Vốn NS tỉnh			Vốn NSTW, ODA										
4	Xây dựng Cầu Tả Lương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	103/MQĐ-UBND ngày 31/5/2024	25.000	25.000		12.000	10.000	10.000									
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tả Mơ, xã Khánh Thành	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	468/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	9.547	9.547		4.000	5.500	5.500									
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Cầu Bà	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	901/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	115.975	115.975		2.100	88.000	88.000									
7	Kè bờ tả thị trấn Khánh Vĩnh (đoạn từ Cầu Sông Khế, tính lộ 2 đến cầu Hoàng Quốc Việt)	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	454/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	37.525	37.525		5.500	28.000	28.000									
8	Kè bảo vệ khu dân cư dọc sông Cầu xã Sông Cầu huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Sông Cầu	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	486/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	42.000	42.000		9.000	30.000	30.000									
9	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		25.300	20.700	20.700									
10	Trường THCS Tô Hạp	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	2024-2025	35/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	446/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	30.000		1.200	26.000	26.000									
11	Trường tiểu học Thị trấn Tô Hạp (điểm trường chính)	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô hạp	2024-2025	36/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	1507/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	15.000	15.000		4.500	10.000	10.000									
12	Kè chống sạt lở từ thôn Tả Nĩa đến đập Đầu Bò Thượng, xã Sơn Trung	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3963/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	30.000	30.000		2.000	24.300	24.300									
XVI	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện									267.831	267.831	0	0	0	0	0	0				
1	Thị xã Ninh Hòa									134.027	134.027								Chi tiết tại phần Ghi chú (**)		
2	Huyện Cam Lâm									18.650	18.650								Chi tiết tại phần Ghi chú (**)		
3	Thành phố Cam Ranh									81.334	81.334								Chi tiết tại phần Ghi chú (**)		
4	Huyện Vạn Ninh									10.520	10.520								Chi tiết tại phần Ghi chú (**)		
5	Thành phố Nha Trang									12.600	12.600								Chi tiết tại phần Ghi chú (**)		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP (*)
							Trong đó:											
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA										
6	Huyện Khánh Vĩnh									10.700	10.700							Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
XVIII	Chưa phân bổ									0								
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (dầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)								0	1.052.853	467.853	585.000						
I	Nguồn XDCB tập trung									467.853	467.853							
1	Thành phố Nha Trang									78.189	78.189							Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa
2	Thành phố Cam Ranh									52.644	52.644							
3	Huyện Cam Lâm									49.200	49.200							
4	Huyện Diên Khánh									64.452	64.452							
5	Thị xã Ninh Hoà									71.832	71.832							
6	Huyện Vạn Ninh									55.104	55.104							
7	Huyện Khánh Vĩnh									55.596	55.596							
8	Huyện Khánh Sơn									40.836	40.836							
II	Nguồn CQSD Đất									585.000		585.000						
1	Thành phố Nha Trang									219.000		219.000						Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn thu sử dụng đất năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa
2	Thành phố Cam Ranh									210.000		210.000						
3	Huyện Cam Lâm									3.000		3.000						
4	Huyện Diên Khánh									27.000		27.000						
5	Thị xã Ninh Hoà									57.000		57.000						
6	Huyện Vạn Ninh									48.000		48.000						
7	Huyện Khánh Vĩnh									18.000		18.000						
8	Huyện Khánh Sơn									3.000		3.000						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025							Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	Vốn TW nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021, 2022	Vốn ODA cấp phát		Nguồn bội chi NSDP (*)
							Trong đó:											
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA										

Ghi chú:

- (*) Nguồn bội chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.
- (**) Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện năm 2025:
- (1) Bổ sung có mục tiêu cho thị xã Ninh Hòa là 134,027 tỷ đồng, bao gồm:
- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) và văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) là 35,72 tỷ đồng.
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh là 43 tỷ đồng (Cầu Đá Bàn, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hoà).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 49 tỷ đồng (Kè chống sạt lở sông Lót, xã Ninh Đông (đoạn từ bờ sông thôn Phước Thuận đến thôn Quang Đông)).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh là 6,307 tỷ đồng (Mở rộng, nâng cấp đường Vạn Thuận, đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Ba Hồ (Đoạn từ nhà ông Châu đến ngã ba Ba Hồ); Xây dựng Hội trường UBND xã Ninh Quang).
- (2) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cam Lâm theo văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm) là 18,65 tỷ đồng.
- (3) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cam Ranh là 81,334 tỷ đồng, bao gồm:
- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh) là 7 tỷ đồng.
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 64,934 tỷ đồng (Trường TH - THCS Cam Lập, hạng mục: Xây mới 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ (điểm Bãi Ngang); Trường Tiểu học Cam Phước Đông 1, hạng mục: Xây mới 02 phòng học (điểm chính); Xây mới 04 phòng học và hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật (điểm Xóm Mới); Trường TH-THCS Cam Thành Nam, hạng mục: Xây mới nhà đa năng, 04 phòng học bộ môn, thư viện trường và nâng cấp sân đường nội bộ; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Cầu Nước Ngọt đến thôn Bình Lập, xã Cam Lập, thành phố Cam Ranh; Kè suối Ông Cáo, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 là 9,4 tỷ đồng (Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Cam Thuận (điểm Thuận Hải); Sửa chữa, cải tạo dãy phòng học Trường Tiểu học Cam Thuận; Sửa chữa, cải tạo Nhà đa năng Trường Tiểu học Cam Nghĩa 1; Cải tạo, sửa chữa Nhà vệ sinh học sinh và tường rào (điểm Hưng Long) và nhà vệ sinh học sinh (điểm Khánh Cam) Trường Tiểu học Ba Ngòi; Xây dựng tường rào Trường THCS Nguyễn Khuyến; Sửa chữa và nâng cấp tường rào Trường THCS Trần Phú; Sửa chữa, cải tạo Nhà hành chính Trường TH&THCS Cam Phúc Nam).
- (4) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Vạn Ninh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,52 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS huyện Vạn Ninh (lớp 3-7)).
- (5) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Nha Trang theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 12,6 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS thành phố Nha Trang).
- (6) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Khánh Vĩnh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,7 tỷ đồng (Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, lớp 7 thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 huyện Khánh Vĩnh).

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 14076 /TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tỉnh bố trí đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tỉnh bố trí năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tỉnh				
	TỔNG SỐ					304.023	206.343	206.343	36.843	169.500	
I	Huyện Vạn Ninh					20.000	14.000	14.000	0	14.000	
	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn huyện NTM					20.000	14.000	14.000	0	14.000	
1	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	Xã Vạn Thắng	2024-2025		20.000	14.000	14.000	0	14.000	
II	Thị xã Ninh Hòa					199.303	136.792	136.792	34.518	102.274	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới					5.268	3.688	3.688	0	3.688	
(1)	Xã Ninh An					5.268	3.688	3.688	0	3.688	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		2.268	1.588	1.588	0	1.588	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
b	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					39.194	25.356	25.356	0	25.356	
(1)	Xã Ninh Thọ					28.554	17.908	17.908	0	17.908	
1	Đường Bình Sơn 4 (Bổ), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2		Xã Ninh Thọ	2025		484	339	339	0	339	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rơi đến xóm bà Dũng		Xã Ninh Thọ	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến công địa ông Chúng		Xã Ninh Thọ	2025		1.600	1.120	1.120	0	1.120	
4	Đường Lạc An đi Ninh Diên, đoạn từ Công đến khu môi dúi		Xã Ninh Thọ	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong		Xã Ninh Thọ	2025		1.052	736	736	0	736	
6	Mương đồng Vui		Xã Ninh Thọ	2025		1.152	806	806	0	806	
7	Nhánh N3-5 Môi Dúi		Xã Ninh Thọ	2025		1.240	868	868	0	868	
8	Nhánh N3- Ô Khanh		Xã Ninh Thọ	2025		1.240	868	868	0	868	
9	Mương N3-7A		Xã Ninh Thọ	2025		1.252	876	876	0	876	
10	Mương Đồng Trong		Xã Ninh Thọ	2025		1.252	876	876	0	876	
11	Mương Bảy Bình		Xã Ninh Thọ	2025		1.100	770	770	0	770	
12	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		2.575	1.803	1.803	0	1.803	
13	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		2.060	1.442	1.442	0	1.442	
14	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		5.847	4.093	4.093	0	4.093	
15	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ		Xã Ninh Thọ	2025		5.200	1.560	1.560	0	1.560	
(2)	Xã Ninh Lộc					10.640	7.448	7.448	0	7.448	
1	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chắt (Đường quy hoạch giao thông mới)	UBND xã Ninh Lộc	Xã Ninh Lộc	2025		1.028	720	720	0	720	
2	Kiến cố hóa kênh mương Bọng đoạn cuối		Xã Ninh Lộc	2025		1.400	980	980	0	980	
3	Kiến cố hóa kênh mương Trảng Thờ		Xã Ninh Lộc	2025		1.100	770	770	0	770	

STT	Nội dung	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2025 (Nguồn số số liệu thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
4	Kiến cổ hóa kênh mương Cầu Quê Thôn Tân-Vạn Khê		Xã Ninh Lộc	2025		1.200	840	840	0	840	
5	Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cộ		Xã Ninh Lộc	2025		700	490	490	0	490	
6	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Lộc	2025		2.575	1.803	1.803	0	1.803	
7	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)		Xã Ninh Lộc	2025		470	329	329	0	329	
8	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Lộc	2025		2.166	1.516	1.516	0	1.516	
c	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					10.788	7.551	7.551	0	7.551	
(1)	Xã Ninh Đông					10.788	7.551	7.551	0	7.551	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		3.226	2.258	2.258	0	2.258	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		2.660	1.862	1.862	0	1.862	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		4.902	3.431	3.431	0	3.431	
d	Hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					144.053	100.198	100.198	34.518	65.680	
(1)	Xã Ninh Ích					27.892	19.524	19.524	0	19.524	
1	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Chữ đến nhà ông Long	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.134	794	794	0	794	
2	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà bà Yến đến nhà ông Xi	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.219	853	853	0	853	
3	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Sửu đến nhà ông Xưa	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		2.499	1.749	1.749	0	1.749	
4	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Xưa đến nhà ông Chữ	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.724	1.207	1.207	0	1.207	
5	BTXM đường nội đồng từ nhà bà Mây đến ruộng Máng	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		4.000	2.800	2.800	0	2.800	
6	Kiến cổ hóa kênh mương ruộng ông thận, bà huồn	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		500	350	350	0	350	
7	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		5.814	4.070	4.070	0	4.070	
8	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đăng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		7.341	5.139	5.139	0	5.139	
9	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		3.661	2.563	2.563	0	2.563	
(2)	Xã Ninh Quang					11.969	8.378	8.378	6.000	2.378	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2965/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024; 8846/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.587	6.011	6.011	4.300	1.711	
2	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2964/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 10804/QĐ-CTUBND ngày 19/8/2024	3.382	2.367	2.367	1.700	667	
(3)	Xã Ninh Sơn					8.293	5.805	5.805	0	5.805	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn (Hạng mục: phòng học)		Xã Ninh Sơn	2025		4.301	3.011	3.011	0	3.011	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)		Xã Ninh Sơn	2025		1.372	960	960	0	960	
3	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Sơn	2025		2.620	1.834	1.834	0	1.834	
(4)	Xã Ninh Sơn					11.790	8.254	8.254	5.400	2.854	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-BT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bố trí giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bố trí đến hết năm 2024	Dự toán kế hoạch vốn NS tính bố trí năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2955/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8839/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	2.815	1.971	1.971	1.400	571	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2956/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8847/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.928	3.450	3.450	2.000	1.450	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2854/QĐ-CTUBND ngày 01/7/2024 và 8844/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.047	2.833	2.833	2.000	833	
(5)	Xã Ninh Tân					27.913	19.539	19.539	10.118	9.421	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2966/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8840/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.893	5.525	5.525	3.118	2.407	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2967/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8849/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	20.020	14.014	14.014	7.000	7.014	
(6)	Xã Ninh Thuận					23.909	16.736	16.736	10.000	6.736	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thuận	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2968/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8842/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.342	5.839	5.839	4.000	1.839	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thuận	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2931/QĐ-CTUBND ngày 04/7/2024 và 8848/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.182	5.027	5.027	3.000	2.027	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2957/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8850/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.385	5.870	5.870	3.000	2.870	
(7)	Xã Ninh Thương					6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thương (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thương	2024-2025	2961/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8843/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
(8)	Xã Ninh Trung					16.875	11.173	11.173	0	11.173	
1	Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - nương đồng giữa		Xã Ninh Trung	2025		400	280	280	0	280	
2	Khẩu ông Tiễn - Ruộng đội 4		Xã Ninh Trung	2025		400	280	280	0	280	
3	Kênh từ nhà ông Toàn đến nhà ông Huy		Xã Ninh Trung	2025		700	490	490	0	490	
4	Kênh từ bà Mười đến đồng dưng (Gd2)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Kênh từ NIT đến Đồng Cũ (gd2)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	700	700	0	700	
6	Tuyến Mương Cái Quảng Cư (gd2)		Xã Ninh Trung	2025		1.200	840	840	0	840	
7	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Trung	2025		4.815	3.371	3.371	0	3.371	
8	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Trung	2025		3.280	2.296	2.296	0	2.296	
9	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)		Xã Ninh Trung	2025		2.480	1.736	1.736	0	1.736	
10	Trung tâm văn hóa (Sân bóng đá mini, Bể tập bơi)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	300	300	0	300	
11	Sửa chữa, nâng cấp chợ		Xã Ninh Trung	2025		600	180	180	0	180	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2025 (Nguồn số kế kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
(9)	Xã Ninh Xuân					8.984	6.289	6.289	0	6.289	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		2.060	1.442	1.442	0	1.442	
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thống, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		3.336	2.335	2.335	0	2.335	
3	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
4	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		2.088	1.462	1.462	0	1.462	
III	Huyện Diên Khánh					3.000	2.100	2.100	0	2.100	
1	Điện chiếu sáng đường Diên Phú-Diên Điền-Diên Sơn (Đoạn: Quốc lộ 1A đến đình Đại Diên Nam).		Xã Diên Phú, Diên Điền, Diên Sơn	2025		3.000	2.100	2.100	0	2.100	
IV	Huyện Cam Lâm					36.138	23.297	23.297	2.325	20.972	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					25.038	15.527	15.527	0	15.527	
(1)	Xã Suối Cát					8.300	3.810	3.810	0	3.810	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Xương		Xã Suối Cát	2025		5.000	1.500	1.500	0	1.500	
2	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa JeJu	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	916/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1.300	910	910	0	910	
3	Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	915/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	2.000	1.400	1.400	0	1.400	
(2)	Xã Cam Hiệp Nam					6.588	4.612	4.612	0	4.612	
1	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2025	869/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.188	832	832	0	832	
2	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)		Xã Cam Hiệp Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
3	Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)		Xã Cam Hiệp Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
4	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2024-2025	917/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.000	2.100	2.100	0	2.100	
(3)	Xã Cam Hòa					10.150	7.105	7.105	0	7.105	
1	Trường tiểu học Cam Hòa I	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hòa	2024-2025	918/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.150	7.105	7.105	0	7.105	
b	Hỗ trợ xã nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					11.100	7.770	7.770	2.325	5.445	
(1)	Xã Cam Tân					6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
1	Trường Tiểu học Cam Tân		Xã Cam Tân	2024-2025	674/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
(2)	Xã Cam An Nam					4.600	3.220	3.220	0	3.220	
1	BTXM đường hồ bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		2.000	1.400	1.400	0	1.400	
2	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		400	280	280	0	280	
3	Đường Dồn diên Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyên Nghi đến - Nguyễn Dững (đường sắt)		Xã Cam An Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
4	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		1.000	700	700	0	700	
V	Thành phố Cam Ranh					9.000	3.500	3.500	0	3.500	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					2.000	600	600	0	600	
(1)	Xã Cam Bình					2.000	600	600	0	600	
1	Xây dựng chợ thôn Bình Hưng		Xã Cam Bình	2025		2.000	600	600	0	600	
b	Hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					7.000	2.900	2.900	0	2.900	
(1)	Xã Cam Thịnh Tây					5.000	1.500	1.500	0	1.500	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
1	Trung tâm sinh hoạt văn hóa thể thao xã		Xã Cam Thịnh Tây	2025		5.000	1.500	1.500	0	1.500	
(2)	Xã Cam Thịnh Đông					2.000	1.400	1.400	0	1.400	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh Ruộng Bàu Mỹ Thanh		Xã Cam Thịnh Đông	2025		2.000	1.400	1.400	0	1.400	
VI	Huyện Khánh Vĩnh					19.083	9.154	9.154	0	9.154	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới					7.000	2.100	2.100	0	2.100	
(1)	Xã Khánh Đông					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	UBND xã Khánh Đông	Xã Khánh Đông	2025	133/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
(2)	Xã Khánh Bình					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
2	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	UBND xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	218/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
b	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					6.583	3.404	3.404	0	3.404	
(1)	Xã Sông Cầu					6.583	3.404	3.404	0	3.404	
1	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	173/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.583	2.504	2.504	0	2.504	
2	Nâng cấp sân vận động xã	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	174/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.000	900	900	0	900	
c	Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí					5.500	3.650	3.650	0	3.650	
(1)	Xã Khánh Phú					5.000	3.500	3.500	0	3.500	
1	Bê tông hóa đường Nhà văn hóa Giang Mương đi Cao Lương		Xã Khánh Phú	2025	230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
2	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Dũng đến đất ông Chúc - Nghĩa địa Nước nhĩ	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	228/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
3	Bê tông hóa đường ông Chính đi ông Sơn		Xã Khánh Phú	2025	231/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
4	Bê tông hóa đường từ đất ông Minh đến đất ông Trung gần đá bàn		Xã Khánh Phú	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Duy Truyền đến đất ông Cao Nghiệp	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	229/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
(2)	Xã Khánh Hiệp					500	150	150	0	150	
1	Xây sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã		Xã Khánh Hiệp	2025		500	150	150	0	150	
VII	Huyện Khánh Sơn					17.500	17.500	17.500	0	17.500	
a	Hỗ trợ xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
(1)	Xã Sơn Trung					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
1	Trường Tiểu học Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2024-2025		2.000	2.000	2.000	0	2.000	
b	Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí					15.500	15.500	15.500	0	15.500	
(1)	Xã Thành Sơn					9.500	9.500	9.500	0	9.500	
1	Trường Tiểu học và THCS Thành Sơn		Xã Thành Sơn	2024-2025		9.500	9.500	9.500	0	9.500	
(2)	Xã Ba Cụt Nam					6.000	6.000	6.000	0	6.000	
1	Công trình trường Mầm non Hoa Phượng xã Ba Cụt Nam		Xã Ba Cụt Nam	2025		6.000	6.000	6.000	0	6.000	

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 14076 /TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh			
																NSTW		Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)
	TỔNG SỐ							109.200	91.688	17.512	15.750	13.283	2.467	93.411	78.366	15.045		
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP							23.492	13.340	10.152	15.750	13.283	2.467	7.703	18	7.685		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							18.441	8.920	9.521	11.250	8.863	2.387	7.152	18	7.134		
a	Huyện Khánh Vĩnh							8.600	3.000	5.600	2.943	2.943	0	5.618	18	5.600		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cầu Bà	P. Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	941/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	11.000	3.000	5.600	8.600	3.000	5.600	2.943	2.943		5.618	18	5.600	
b	Thành phố Cam Ranh							9.841	5.920	3.921	8.307	5.920	2.387	1.534	0	1.534		
1	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Tây	2024-2025	1862/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	4.985	2.920	1.448	4.453	2.920	1.533	3.955	2.920	1.035	498		498	
2	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS tại Xóm Mới, Xóm Suối Hai, Xóm Ba Hùng thuộc thôn Giải Phóng vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Phước Đông	2024-2025	1869/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	4.930	3.000	1.400	5.388	3.000	2.388	4.352	3.000	1.352	1.036		1.036	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống							5.051	4.420	631	4.500	4.420	80	551	0	551		
a	Sở Y tế							3.774	3.283	491	3.283	3.283	0	491	0	491		
1	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Sở Y tế	Xã Khánh Hiệp	2024-2025	553/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	3.774	3.283	491	3.774	3.283	491	3.283	3.283		491		491	
b	Huyện Khánh Sơn							1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60	0	60		

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh			
1	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	UBND TT. Tô Hạp	TT. Tô Hạp	2024-2025	2493/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3652/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.499	1.137	140	1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60	60		
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI								85.708	78.348	7.360				85.708	78.348	7.360	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
	Huyện Khánh Vĩnh								4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
1	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tà Gộc, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2025					4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống								68.815	64.081	4.734				68.815	64.081	4.734	
II.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại địa bàn ĐBK								67.931	63.281	4.650	0	0	0	67.931	63.281	4.650	
a	Huyện Khánh Vĩnh								30.389	28.199	2.190	0	0	0	30.389	28.199	2.190	
1	Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên		Xã Khánh Phú	2025					2.499	2.262	237				2.499	2.262	237	
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vào khu dân cư thôn A Xay		Xã Khánh Nam	2025					1.455	1.238	217				1.455	1.238	217	
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ nhà bà Ngô Thị Ngọc đến đất ông Giỏi		Xã Khánh Nam	2025					485	413	72				485	413	72	
4	Đường vào khu sản xuất Suối A Pan, thôn Đá Bàn (giáp xã Khánh Thành)		Xã Cầu Bà	2025					3.938	3.480	458				3.938	3.480	458	
5	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mên đến rẫy ông Cao Văn Guơng		Xã Khánh Trung	2025					1.000	870	130				1.000	870	130	
6	Đường từ đất ông Cao Xuân Dưa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2025					1.441	1.305	136				1.441	1.305	136	
7	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phượng vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
8	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú		Xã Khánh Phú	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
9	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương		Xã Khánh Bình	2025					1.000	870	130				1.000	870	130	
10	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe		Xã Khánh Trung	2025					950	826	124				950	826	124	
11	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Râm). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân		Xã Khánh Thượng	2025					950	826	124				950	826	124	
12	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Trắng (đầu nguồn nước tự chảy), xã Cầu Bà		Xã Cầu Bà	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
13	Đường vào khu sản xuất suối Lá Bò (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
14	Tuyến đường Từ điểm giữa Tuyến B17 (đất nhà ông Cao Thanh Tuyền) đi vào khu sản xuất		Xã Khánh Hiệp	2025					1.199	1.073	126				1.199	1.073	126	
15	Đường từ khu dân cư Ma Lý đi qua bãi xử lý rác đến đường Khánh Thành - Khánh Phú		Xã Khánh Thành	2025					1.300	1.300					1.300	1.300		
16	Đầu tư nâng cấp tuyến 8: Đường nội đồng thôn Đá Bàn		Xã Cầu Bà	2025					3.200	3.200					3.200	3.200		
17	Nối tiếp tuyến đường A Quán Thủy vào đồng ruộng		Xã Khánh Thượng	2025					1.100	1.100					1.100	1.100		
18	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lợi (từ hộ ông Hà Đây đến hộ ông Cao Cà Ma)		Xã Sơn Thái	2025					3.000	3.000					3.000	3.000		
19	Đường vào khu sản xuất chân núi Hòn Mưa		Xã Khánh Trung	2025					1.260	1.260					1.260	1.260		
20	Đường rẫy ông Bùi Văn Hương đến rẫy ông Cao Định		Tổ 5, TT. Khánh Vĩnh	2025					1.000	1.000					1.000	1.000		
b	Huyện Khánh Sơn								31.852	30.566	1.286	0	0	0	31.852	30.566	1.286	
1	Trường TH Sơn Bình (điểm trường chính). Hạng mục: Xây mới và nâng cấp sửa chữa phòng học		Xã Sơn Bình	2025					5.500	5.138	362				5.500	5.138	362	
2	Trường THCS Ba Cùm Bắc. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa khu phòng học và khu làm việc của nhà trường		Xã Ba Cùm Bắc	2025					2.000	1.740	260				2.000	1.740	260	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
3	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mẫu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2025					491	491					491	491		
4	Đường BTXM từ nhà ông Cao Trường B đi khu sản xuất thôn Apa 1, xã Thành Sơn		Xã Thành Sơn	2025					958	858	100				958	858	100	
5	Xây dựng BTXM đường Dốc Chùa thôn Chi Chây		Xã Sơn Trung	2025					1.000	436	564				1.000	436	564	
6	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp		TT. Tô Hạp	2025					1.466	1.466					1.466	1.466		
7	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam		Xã Ba Cùm Nam	2025					2.216	2.216					2.216	2.216		
8	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GD1		Xã Ba Cùm Nam	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
9	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Rôa đi ra suối xã Sơn Lâm		Xã Sơn Lâm	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
10	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm (đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)		Xã Sơn Lâm	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
11	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O		Xã Sơn Trung	2025					943	943					943	943		
12	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Tà Giang 1		Xã Thành Sơn	2025					1.070	1.070					1.070	1.070		
13	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Apa 2 đi cầu treo		Xã Thành Sơn	2025					186	186					186	186		
14	Nâng cấp mở rộng đường nhà bà Phương đi khu sản xuất (đoạn từ rẫy ông Pháp đi khu sản xuất) thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm.		Xã Sơn Lâm	2025					964	964					964	964		
15	Kè chống sạt lở dọc suối Cờ rã nóa đoạn từ đất ông Mẫu Hồng Xuyên đến đất bà Mẫu Thị Bảy		Xã Sơn Bình	2025					914	914					914	914		
16	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xã Bói đi thôn Hòn Dung giai đoạn 2		Xã Sơn Hiệp	2025					1.100	1.100					1.100	1.100		
17	Đường từ đất ông Huật vào khu sản xuất thôn Hòn Dung		Xã Sơn Hiệp	2025					875	875					875	875		
18	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay (nhánh 2)		Xã Sơn Trung	2025					1.680	1.680					1.680	1.680		

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)		
							NSTW										NS tính	
19	Nối tiếp và nâng cấp đường từ Trường Tiểu học xã Ba Cùm Bắc đi vào khu sản xuất xóm 4, thôn Dốc Trầu, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2025					1.786	1.786				1.786	1.786			
20	Đường vào khu sản xuất Xóm 8 Liên Bình		Xã Sơn Bình	2025					773	773				773	773			
21	Đường vào khu dân cư từ nhà Bo Bo Lang đến nhà ông Cao Văn Đường		Xã Sơn Bình	2025					673	673				673	673			
22	Nâng cấp mở rộng đường BTMX từ nhà ông Bo Bo Tới đi vào khu sản xuất xóm 15, thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2025					698	698				698	698			
23	Nâng cấp mở rộng nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Đoàn Bá Lộc vào khu sản xuất thôn Du Oai, xã Sơn Lâm								793	793				793	793			
c	Huyện Cam Lâm								4.351	3.445	906			4.351	3.445	906		
1	Đầu tư đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3 (đoạn từ Trường Mẫu giáo đến ruộng ông Cao Xem)		Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2025					750	750				750	750			
2	Đường từ rẫy Tro Thị Hoa tới Cao Trị		Xã Sơn Tân	2025					1.150	925	225			1.150	925	225		
3	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn Va Ly nổi dài		Xã Sơn Tân	2025					1.000	1.000				1.000	1.000			
4	Đường từ rẫy ông Bo Bo Tịnh - rẫy ông Tấn, thôn Va Ly		Xã Sơn Tân	2025					681		681			681		681		
5	Đầu tư sửa chữa nâng cấp mở rộng đường bê tông từ nhà Mang Thánh đến nhà Mẫu Riếp thôn Suối Cốc		Xã Sơn Tân	2025					770	770				770	770			
d	Huyện Diên Khánh								1.339	1.071	268			1.339	1.071	268		
1	Kênh mương tưới, tiêu đồng ruộng Lỗ Rong thôn Lỗ Gia		Xã Suối Tiên	2025					573	405	168			573	405	168		
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới vùng ruộng 3,4 ha của các hộ đồng bào dân tộc thôn Đá Mài, xã Diên Tân.		Xã Diên Tân	2025					766	666	100			766	666	100		
II.2	Nâng cấp, sửa chữa Chợ vùng đồng bào DTTS&MN								884	800	84			884	800	84		
	Huyện Khánh Sơn								884	800	84			884	800	84		
1	Chợ Sơn Lâm: - Đầu tư xây dựng mới các hạng mục: bể nước nguồn; nhà điều hành; hệ thống điện chiếu sáng; nhà để xe)		Xã Sơn Lâm	2025					884	800	84			884	800	84		

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú		
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó				
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh				
III	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh								1.048	911	137					1.048	911	137	
	Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn			2025					1.048	911	137					1.048	911	137	
	Hạng mục: Sửa chữa khu phòng ở nội trú học sinh và khu vệ sinh chung của học sinh		Trường DTNT Khánh Sơn						1.048	911	137					1.048	911	137	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch								8.742	7.912	830					8.742	7.912	830	
a	Huyện Khánh Vĩnh								4.371	3.956	415					4.371	3.956	415	
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS		Xã Khánh Trung	2025					3.914	3.542	372					3.914	3.542	372	
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Giang Ly	2025					457	414	43					457	414	43	
b	Huyện Khánh Sơn								4.371	3.956	415					4.371	3.956	415	
1	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Sơn Hiệp	2025					457	414	43					457	414	43	
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS		Xã Sơn Hiệp	2025					3.914	3.542	372					3.914	3.542	372	
V	Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN								2.703	2.444	259					2.703	2.444	259	
a	Phân bổ vốn cho sở, ngành								71	62	9					71	62	9	
	Liên minh HTX tỉnh 0,5%								71	62	9					71	62	9	
	- Chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN			2025					71	62	9					71	62	9	
b	Phân bổ cho các địa phương								2.632	2.382	250					2.632	2.382	250	
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã								2.632	2.382	250					2.632	2.382	250	
	- Huyện Khánh Vĩnh			2025					1.874	1.696	178					1.874	1.696	178	
	- Huyện Cam Lâm			2025					701	635	66					701	635	66	
	- Huyện Diên Khánh			2025					22	20	2					22	20	2	
	- Thị xã Ninh Hòa			2025					35	31	4					35	31	4	

PHỤ LỤC 4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 14076/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
	TỔNG SỐ								345.412	324.253	21.159	254.488	254.488	0	90.924	69.765	21.159	
A	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo								266.412	245.253	21.159	199.405	199.405	0	67.007	45.848	21.159	
I	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo								251.962	230.803	21.159	186.928	186.928	0	65.034	43.875	21.159	
L1	Huyện Khánh Vĩnh								177.292	160.803	16.489	136.928	136.928	0	40.364	23.875	16.489	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								108.337	91.848	16.489	70.273	70.273	0	38.064	21.575	16.489	
1	Kê chống sạt lở bờ hữu sông Cái (xã Cầu Bà - Liên Sang)	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà, Liên Sang	2022-2025	670/QĐ-UBND 09/8/2022	80.000	80.000		63.768	63.768		60.000	60.000		3.768	3.768		
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã cánh Bắc: Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	2024-2025	1212/QĐ-UBND 18/10/2024	53.616	28.080	16.489	44.569	28.080	16.489	10.273	10.273		34.296	17.807	16.489	
b	Giao thông								68.955	68.955	0	66.655	66.655	0	2.300	2.300	0	
1	Cầu Sông Trang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022-2023	666/QĐ-UBND 09/8/2022	79.955	79.955		68.955	68.955		66.655	66.655		2.300	2.300		
L2	Huyện Khánh Sơn								74.670	70.000	4.670	50.000	50.000	0	24.670	20.000	4.670	
	Giao thông								74.670	70.000	4.670	50.000	50.000	0	24.670	20.000	4.670	
1	Đường từ cầu trần Suối Lớn xã Ba Cùm Nam đến xã Ba Cùm Bắc (giai đoạn 2)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc	2022-2025	2928/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	40.000	35.000		35.000	35.000		15.000	15.000		20.000	20.000		
2	Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cỏ xã Sơn Bình	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Bình	2022-2025	2093/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.989	35.000		39.670	35.000	4.670	35.000	35.000		4.670		4.670	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh		
II	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại, ven biển (Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh)							14.450	14.450	0	12.477	12.477	0	1.973	1.973	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							5.000	5.000	0	4.974	4.974	0	26	26	0	
1	Xây dựng bờ kè đoạn từ cầu cảng đến nhà ông Tót, thôn Diếp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Diếp Sơn	2023-2024	159/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.990	1.990		10	10		
2	Xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Trang đến nhà ông Toàn, thôn Diếp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Diếp Sơn	2024-2025	160/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.987	1.987		13	13		
3	Xây dựng bờ kè Khai Lương, thôn Khai Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	173/QĐ-UBND 08/8/2022	1.000	1.000	1.000	1.000		997	997		3	3		
b	Giao thông							2.580	2.580	0	2.348	2.348	0	232	232	0	
1	Xây dựng đường BTXM thôn Vĩnh Yên	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Vĩnh Yên	2022-2023	179/QĐ-UBND 08/8/2022	1.298	1.298	1.290	1.290		1.176	1.176		114	114		
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Bùi Văn Chính đến nhà ông Bùi Trọng Nhựt thôn Khai Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	181/QĐ-UBND 08/8/2022	1.294	1.294	1.290	1.290		1.172	1.172		118	118		
c	Cấp nước							2.490	2.490	0	1.272	1.272	0	1.218	1.218	0	
1	Bổ sung giếng khoan thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	174/QĐ-UBND 08/8/2022	1.299	1.299	1.290	1.290		1.272	1.272		18	18		
2	Hệ thống xử lý nước sạch thôn Đầm Môn		Thôn Đầm Môn	2024-2025		1.200	1.200	1.200	1.200		0	0		1.200	1.200		
d	Công nghiệp (mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo)							1.390	1.390	0	1.383	1.383	0	7	7	0	
1	Hệ thống điện chiếu sáng 03 thôn Ninh Tân, Ninh Đảo, Diếp Sơn (giai đoạn 2)	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân, Ninh Đảo, Diếp Sơn	2022-2023	176/QĐ-UBND 08/8/2022	1.399	1.399	1.390	1.390		1.383	1.383		7	7		
e	Văn hóa thông tin							2.680	2.680	0	2.500	2.500	0	180	180	0	
1	Xây dựng khu vui chơi, giải trí thể thao thôn Đầm Môn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Đầm Môn	2022-2023	178/QĐ-UBND 08/8/2022	1.199	1.199	1.190	1.190		1.100	1.100		90	90		
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	172/QĐ-UBND 08/8/2022	1.499	1.499	1.490	1.490		1.400	1.400		90	90		
f	Chưa phân bổ							310	310	0				310	310		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
B	Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt								79.000	79.000	0	55.083	55.083	0	23.917	23.917	0	
I	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2023-2025	1044/CĐ-UBND ngày 28/6/2023	79.000	79.000		79.000	79.000		55.083	55.083		23.917	23.917		

Số: /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 5.592,771 tỷ đồng. Trong đó:

a) Tổng vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương: 5.444,64 tỷ đồng. Cụ thể:

- Nguồn vốn XD CB tập trung: 3.129,64 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 2.000 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 315 tỷ đồng.

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, nguồn bội chi: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng

Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

b) Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 148,131 tỷ đồng.

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

a) Ngân sách cấp tỉnh quản lý đầu tư: 4.539,918 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 4.391,787 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn XDCB tập trung là: 2.661,787 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 1.415 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 315 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia: 148,131 tỷ đồng.

b) Ngân sách cấp huyện quản lý đầu tư: 1.052,853 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 467,853 tỷ đồng.

- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 585 tỷ đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện theo các Phụ lục 1, 2, 3, 4 đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ. Không bố trí danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2025 nếu chưa được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo quy định.

2. Chỉ đạo UBND cấp huyện (bao gồm cấp xã) thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ và số vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây nhiễu, phiền hà, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.

3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan:

- Khẩn trương thực hiện kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất giai đoạn 2023-2025 và năm 2025 để bổ sung nguồn vốn đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện đầu tư các dự án đầu tư công trọng điểm theo Kế hoạch số 7201/KH-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 khi thực hiện khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương năm 2025 để bố trí nguồn vốn cho các dự án đầu tư công trọng điểm.

- Xác định nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2023-2027 theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội khi kết thúc niên độ ngân sách hàng năm.

- Thực hiện công tác xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược để bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong giai đoạn 2022-2027 khi thực hiện điểm b khoản 9 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.

- Triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các bộ ngành Trung ương về rà soát kế hoạch đầu tư công; trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến, quyết định chủ trương đầu tư dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

4. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, huyện, xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư (cả chủ đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách), của UBND cấp huyện để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

5. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2025 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành làm ảnh hưởng đến công tác tạm ứng, thanh toán vốn (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng năm 2024./.

CHỦ TỊCH**Nơi nhận:**

- UBTVQH, CP;
- Bộ TC, Bộ KHĐT;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban đảng;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, HDT, VN.

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		
								Vốn NS tỉnh								Vốn NSTW, ODA
	TỔNG SỐ									5.592.771	3.129.640	2.000.000	315.000	148.131		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ									4.539.918	2.661.787	1.415.000	315.000	148.131		
A.1	Trả nợ vốn vay								120.485	46.300	46.300	0	0	0		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án Nha Trang									838	838					
2	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập									6.400	6.400					
3	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8)									240	240					
4	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG									1.630	1.630					
5	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án TP. Nha Trang									37.192	37.192					
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư								101.009	48.991	48.991					
A.3	Vốn thực hiện đầu tư									4.444.627	2.566.496	1.415.000	315.000	148.131		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									176.557	31.057	0	145.500		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									170.117	28.817	0	141.300		
1	Cải tạo, sửa chữa Trường Đại học Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	89/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1189/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	30.988	30.988		7.449	14.000		14.000		
2	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (giai đoạn 2)	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2024	03/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2027/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	35.734	35.734		17.500	16.000		16.000		
3	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và xây mới ký túc xá Trường trung cấp nghề Cam Ranh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Cam Ranh	2022-2024	21/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 86/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	219/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 3121/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; 1803/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	11.460	11.460		7.026	3.000	3.000			
4	Nâng cấp trang thiết bị phục vụ giảng dạy và công tác quản lý Trường Đại học Khánh Hòa	Trường Đại học Khánh Hòa	Nha Trang	2022-2024	52/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	230/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	59.925	59.925		48.955	96		96		
5	BTHT để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trường CĐ Sư phạm Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2012-2024		2162/QĐ-UBND 30/8/2012; 2701/QĐ-UBND 06/10/2020; 2140/QĐ-CTUBND ngày 26/7/2021; 358/QĐ-UBND ngày 16/02/2023; 1165/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; 558/QĐ-UBND ngày 04/3/2024	74.935	74.935		48.514	21.336		21.336		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ	
																Trong đó:
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
6	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DAĐT XD các CT GT	NT	2006-2025		131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2914/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	562.820	562.820		242.723	6.885	6.885				
7	Trường mầm non Sóc Nâu, xã Cam An Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	xã Cam An Nam	2022-2023	61/NQ-HĐND 17/12/20	820/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.072	4.550		2.550	2.000				2.000	
8	Trường THCS Sơn Lâm	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình	2024-2025	1251/QĐ-UBND ngày 01/10/2020; 08/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1059/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	22.000	22.000		6.500	15.500				15.500	
9	Trường Mầm non Sao Mai	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Ba Cùn Bắc	2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 24/11/2020; 07/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	3598/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	27.000	27.000		1.700	25.300				25.300	
10	Trường mầm non Phong Lan	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Lâm	2023-2025	33/NQ-HĐND ngày 24/11/2020	2592/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	24.000	24.000		8.000	16.000				16.000	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trừ từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
														Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
11	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2025	139/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	79.952	79.952		2.085	50.000	18.932		31.068	Công ty cổ phần Đầu tư VCN thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên khu đất và bàn giao lại quỹ đất đã có hạ tầng cho Ban QLDA Phát triển tỉnh để đầu tư xây dựng công trình.			
b	Dự án khởi công mới năm 2025										6.440	2.240	0	4.200				
1	Trường Mầm non Vạn Lương: Xây mới 04 phòng học	Ban QLDA các CTXD huyện Vạn Ninh	xã Vạn Lương, Vạn Ninh	2025	15/NQ-HĐND ngày 17/3/2021	461/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	3.198	2.240		0	2.240	2.240						
2	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	2024-2025	66/NQ-HĐND 17/12/20	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	11.890	4.200		0	4.200			4.200				
II	Khoa học, công nghệ										99.800	99.800	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										99.800	99.800	0	0				
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 782/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	137.215	137.215		80.636	51.500	51.500						
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2025	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022; 783/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	97.586	97.586		44.300	48.300	48.300						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
								Trong đó:								
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
III	Y tế, dân số và gia đình										0	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										0	0	0	0		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm y tế tuyến huyện giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	trên địa bàn tỉnh	2022-2025	53/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	128/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	409.694	209.694	200.000	156.836	0					
IV	Văn hóa thông tin, thể thao										91.816	91.816	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										91.816	91.816	0	0		
1	Xây dựng Cung Văn hóa Thiếu nhi tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	123/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	2016/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	544.577	544.577		400.000	80.000	80.000			Dự án trọng điểm	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao 33 Phan Chu Trinh	Sở VH TT	NT	2023-2025	91/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	2150/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	14.622	14.622		4.700	7.300	7.300				
3	Tu bổ di tích Đình Phong Thạnh	Sở VH TT	Ninh Hòa	2023-2024	148/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2517/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.698	2.698		600	2.050	2.050				
4	Tu bổ di tích Miếu Hội đồng	Sở VH TT	Ninh Hòa	2023-2024	147/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	2516/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.899	2.899		650	2.200	2.200				
5	Tôn tạo cảnh quan di tích địa điểm lưu niệm Tàu C235	Sở VH TT	xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	2022-2024	53/NQ-HĐND ngày 19/7/2022	1995/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	5.453	500	4.953 triệu đồng (Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm bảo tồn di tích)		266	266				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		
															Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT
V	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)									50.000	50.000	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									50.000	50.000	0	0				
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	NT	2018-2024	412/HĐND ngày 13/12/2017	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	759.516	546.733	212.783	596.565	50.000	50.000					
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									56.161	50.461	5.700	0				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									11.475	11.475	0	0				
1	Hồ chứa nước Sơn Trung	Sở NN&PTNT	Khánh Sơn	2022-2026	37/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	889/QĐ-UBND ngày 19/4/2023; 897/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	265.000	85.000	180.000	85.000	0						
2	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Bắc Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trần Hương	Khánh Vĩnh	2021-2025	46/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4779/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	9.000	9.000		7.325	1.675	1.675					
3	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Vạn Ninh, Ninh Hòa giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa	Ninh Hòa, Vạn Ninh	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	307/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	5.880	5.880		5.400	480	480					

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
														Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
4	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		939	898	898						
5	Bảo vệ và phát triển rừng khu Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà giai đoạn 2021 - 2025	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà	CL, DK, KS, KV	2021-2025	49/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4953/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.659	1.659		1.332	121	121						
6	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Cam Lâm - Cam Ranh - Khánh Sơn giai đoạn 2021 - 2025	BQL Rừng phòng hộ Nam Khánh Hòa	CL, CR, KS	2021-2025	50/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	308/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	10.350	10.350		8.009	1.353	1.353						
7	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	D.An-D.Toàn	2022-2025	33/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	119.714	20.000	80.000	36.500	0							
8	Kè chống sạt lở hạ lưu Cầu Sắt tại thôn Triệu Hải và Cửa Tùng xã Cam An Bắc, huyện Cam Lâm	BQLDA huyện Cam Lâm	Cam An Bắc	2022-2024	3915/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 2525/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	230/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 927/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	39.493	30.870		29.308	692	692						
9	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2021-2025	125/NQ-HĐND ngày 14/9/2021	1330/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	420	420		410	10	10						
10	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2021-2025 huyện Khánh Vĩnh	BQL Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất huyện Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025 (Hạt Kiểm lâm Khánh Vĩnh)	Khánh Vĩnh	2023-2025	76/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1411/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 90/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	1.850	1.850		0	69	69						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
														Vốn XDCB tập trung		Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối	Vốn XSKT
11	Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang giai đoạn 2021-2025	BQLDA hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất thành phố Nha Trang - Hạt Kiểm lâm Nha Trang	Nha Trang	2021-2025	135/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	3470/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	385	385		308	77	77					
12	Kè bảo vệ hai bên sông Bà Bường (đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2025	04/NQ-HĐND ngày 14/02/2023	2388/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	119.800		96.853	33.724	0						
13	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở NN&PTNT	Cam Lâm	2021-2025	529/QĐ-UBND ngày 05/3/2021; 2997/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	9.260	56.749	22.400	6.100	6.100					
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025										0	0	0	0			
1	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên An	2022-2025	13/NQ-HĐND ngày 15/5/2020; 16/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	100.000	70.000	6.167	0						
c	Dự án khởi công mới năm 2025										44.686	38.986	5.700	0			
1	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	xã Vĩnh Thái, xã Phước Đồng, Nha Trang	2024-2027	110/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		600.000	600.000		5.314	44.686	38.986	5.700		Dự án trọng điểm		
VII	Giao thông										1.460.264	580.681	879.583	0			

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:				
																Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025									120.389	120.389	0	0						
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Bình Khiêm - Hà Ra, thành phố Nha Trang (giai đoạn 1)	BQL DADT XD các CT GT	Nha Trang			2641/QĐ-UBND 24/10/2013; 224/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	120.830	120.830	90.137	6.000	6.000								
2	Sửa chữa đường ĐT.656 (Tỉnh lộ 9)	Sở GTVT	Khánh Sơn	2024-2025	41/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	732/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.559	6.559	4.900	1.459	1.459								
3	Sửa chữa đường ĐT.651D (Tỉnh lộ 7)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	44/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	729/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	6.146	6.146	4.200	1.364	1.364								
4	Sửa chữa đường ĐT.652D (Tỉnh lộ 1B)	Sở GTVT	Ninh Hòa	2024-2025	43/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	730/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	9.600	9.600	6.500	2.018	2.018								
5	Sửa chữa đường ĐT.652H (Tỉnh lộ 8)	Sở GTVT	Khánh Vĩnh và Ninh Hòa	2024-2025	42/NQ-HĐND ngày 12/7/2024	731/QĐ-SGTVT ngày 04/9/2024	14.813	14.813	10.100	2.248	2.248								
6	Xây dựng Cầu Huyện 2 và đường dẫn	UBND huyện Vạn Ninh	TT Vạn Giã và xã Vạn Thắng	2021-2025	91/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 120/NQ-HĐND ngày 31/10/2024	2415/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	175.573	39.300	120.000	130.000	29.300	29.300							
7	Cầu qua sông Cái Ninh Bình - Ninh Phụng	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	N.Bình - N.Xuân	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	3799/QĐ-CTUBND ngày 20/9/2022; 15767/QĐ-CTUBND ngày 17/11/2023	59.510	42.000	34.000	8.000	8.000								
8	Cầu Mương Quan, xã Diên Phú	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	xã Diên Phú	2021-2024	32/NQ-HĐND ngày 20/7/2020	147/QĐ-UBND ngày 20/8/2021; 264/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	61.541	28.000	15.000	13.000	13.000								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ	
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
9	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	Ban QLDA các CTXD huyện Diên Khánh	Diên Khánh	2022-2025	34/NQ-HĐND ngày 28/4/2021	251/QĐ-UBND 20/12/2021	130.258	20.000	73.516	68.713	0					
10	Xây dựng mới cầu trên đường D6 (ngã 3 Kim Đồng - Lạc Long Quân)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 02/6/2020; 12/NQ-HĐND ngày 21/3/2024	1115/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	79.000	64.000		7.000	57.000	57.000				
11	Đường Lê Duẩn - đoạn 3 (từ đường Nguyễn Lương bằng đến đường Lê Lợi (đường C1))	Ban QLDA các CTXD Cam Ranh	CPHủ-CPNam-CPBắc	2021-2025	47/NQ-HĐND ngày 21/12/2020; 62/NQ-HĐND ngày 09/11/2023	645/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1813/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	326.280	93.470	120.000	157.770	0					
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025										889.875	415.792	474.083	0		
1	Đường Nguyễn Tất Thành đoạn từ sân bay Cam Ranh đến cầu Long Hồ	BQL DADT XD các CT GT	Cam Ranh	2021-2024	55/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	426/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	99.943	99.943		47.323	17.677	17.677				
2	Cầu qua sông Kim Bông	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2021-2025	13/NQ-HĐND ngày 09/7/2019	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	131.731		39.917	30.000	30.000	0			
3	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	BQL DADT XD các CT GT	Khánh Vĩnh	2023-2025	28/NQ-HĐND ngày 21/7/2023	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	292.941		23.500	150.000	150.000				
4	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	BQL DADT XD các CT GT	Ninh Hòa	2022-2026	58/2022/QH15 ngày 16/6/2022	611/QĐ-UBND ngày 17/3/2023; 756/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	5.333.307	303.350	5.029.957	2.499.350	0					Dự án trọng điểm

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
																Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
5	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án xây dựng Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	BQL DAĐT XD các CT GT	Diên Khánh, Nha Trang	2023-2027	06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023	1984/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.316.374	916.374	400.000	186.885	218.115	218.115				Dự án trọng điểm			
6	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND TP Nha Trang	Nha Trang		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		4.570	4.570		0	4.500		4.500			Dự án trọng điểm			
7	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND huyện Diên Khánh	Diên Khánh		06/NQ-HĐND ngày 30/3/2023		132.413	132.413		0	50.000		50.000			Dự án trọng điểm			
8	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2023-2027	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	809.107	1.000.000	491.411	0					Dự án trọng điểm			
9	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hoà - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh thuận	BQL DAĐT XD các CT GT	huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2024-2025	92/2023/QH15 ngày 20/6/2023	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	120.399		21.000	89.583		89.583			Dự án trọng điểm			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ	
							Tổng số	Vốn NS tỉnh								Vốn NSTW, ODA
10	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	BQL DAĐT XD các CT GT	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		605.800	605.800		0	100.000	0	100.000			Dự án trọng điểm
11	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Vạn Ninh phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		85.402	85.402		0	40.000		40.000			Dự án trọng điểm
12	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thị xã Ninh Hòa phục vụ Dự án Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 - ĐT.651G (đoạn 2)	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa	2023-2027	29/NQ-HĐND ngày 21/7/2023		184.547	184.547		0	70.000		70.000			Dự án trọng điểm
13	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT Văn phòng	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	1.105.030	600.000	354.374	0					Dự án trọng điểm
14	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND huyện Vạn Ninh	Vạn Ninh		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		230.357	230.357		0	80.000		80.000			Dự án trọng điểm

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
15	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn thị xã Ninh Hòa phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND thị xã Ninh Hòa	Ninh Hòa		94/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; 628/HĐND-VP ngày 08/11/2024		95.618	95.618			40.000		40.000			Dự án trọng điểm				
c	Dự án khởi công mới năm 2025										450.000	44.500	405.500	0						
1	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	BQL DABT XD các CT GT	Thị xã Ninh Hòa	2024-2025	45/NQ-HĐND ngày 12/7/2024		887.000	887.000		882	450.000	44.500	405.500			Dự án trọng điểm				
VIII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế										52.388	0	52.388	0						
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										2.388	0	2.388	0						
1	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư khu vực mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm công nghiệp Đặc Lợi	UBND TP Nha Trang	Nha Trang		3928/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; 2309/QĐ-UBND ngày 11/8/2024		26.460	26.460			2.388		2.388							
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025										50.000	0	50.000	0						
1	Nâng cấp, mở rộng Cải tạo Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT Vân Phong	Ninh Hòa	2023-2026	70/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	538.591		92.034	50.000		50.000			Dự án trọng điểm				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDĐ trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:									
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT Văn phòng	Ninh Hòa	2023-2026	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022	816.173	416.173	400.000	143.867	0					
IX	Công nghệ thông tin										46.028	46.028	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										46.028	46.028	0	0		
1	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1)	Sở TTTT	Nha Trang	2022-2024	91/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	185/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	55.027	55.027		20.000	35.000	35.000				
2	Xây dựng Hệ thống thông tin lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Nha Trang	2023-2025	45/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	22.955	22.955		10.972	11.028	11.028				
X	Xã hội										13.000	13.000	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										13.000	13.000	0	0		
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Bảo trợ xã hội Khánh Hòa	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2022-2025	117/NQ-HĐND ngày 19/10/2021	3419/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	59.712	59.712		31.600	8.000	8.000				
2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa	Sở LĐ	Khánh Vĩnh	2021-2024	33/NQ-HĐND ngày 21/7/2020	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	59.941	59.941		54.000	5.000	5.000				
XI	Quản lý nhà nước										200.000	200.000	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										200.000	200.000	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
1	Xây dựng trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2023-2025	17/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	2995/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	544.662	543.110		226.751	200.000	200.000			Dự án trọng điểm			
XII	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội										229.980	229.980	0	0				
(1)	Công an tỉnh										212.040	212.040	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										212.040	212.040	0	0				
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Cam Bình, thành phố Cam Ranh	CA tỉnh	xã Cam Bình	2022-2024	103/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	384/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.474	5.474		2.982	2.468	2.468						
2	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Sim	2022-2024	99/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	514/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.385	5.385		2.648	2.702	2.702						
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Vân	2022-2024	102/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	521/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.183	5.183		1.612	3.488	3.488						
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh Tây	2022-2024	101/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	513/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	5.485	5.485		3.233	2.198	2.198						
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa	CA tỉnh	xã Ninh An	2022-2024	95/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	893/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	5.627	5.627		1.503	4.097	4.097						
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Phú, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Phú	2022-2024	114/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	382/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.021	5.021		2.692	2.308	2.308						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Trong đó:					Vốn XD CB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Hiệp	2022-2024	115/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	381/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.071	5.071		3.099	1.951	1.951				
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Thượng, huyện Khánh Vĩnh	CA tỉnh	xã Khánh Thượng	2022-2024	112/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	383/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.726	5.726		1.629	4.071	4.071				
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc Công an xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh	Công an tỉnh	xã Khánh Đông	2022-2024	116/NQ-HĐND ngày 15/11/2022	380/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	4.939	4.939		2.628	2.272	2.272				
10	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	2023-2025	52/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1960/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.235	6.235		1.500	4.600	4.600				
11	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	2023-2025	51/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1961/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.066	6.066		1.500	4.500	4.500				
12	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	Công an tỉnh	xã Diên Hòa, huyện Diên Khánh	2023-2025	53/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1962/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.991	5.991		1.500	4.400	4.400				
13	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Lâm, huyện Khánh Sơn	2023-2025	57/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1963/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.316	5.316		1.500	3.800	3.800				
14	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn	2023-2025	59/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1965/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	5.283	5.283		1.500	3.700	3.700				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
							Trong đó:								Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
15	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	Công an tỉnh	xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn	2023-2025	56/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2614/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.382	6.382		1.700	4.600	4.600						
16	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	54/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2613/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.519	6.519		1.500	5.000	5.000						
17	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	Công an tỉnh	xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	2023-2025	55/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1964/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.616	6.616		1.500	5.100	5.100						
18	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	66/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2719/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	5.873	5.873		1.600	4.200	4.200						
19	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	2023-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2717/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.258	6.258		1.600	4.600	4.600						
20	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	2023-2025	65/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	1959/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	6.179	6.179		1.500	4.600	4.600						
21	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh	2023-2025	62/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2615/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.298	6.298		1.700	4.500	4.500						
22	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Long, huyện Vạn Ninh	2023-2025	64/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2612/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.333	6.333		1.600	4.600	4.600						

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:			
															Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
23	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	60/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2718/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	6.111	6.111		1.600	4.400	4.400						
24	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Công an tỉnh	xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2023-2025	61/NQ-HĐND ngày 11/10/2023	2607/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.700	6.700		1.600	5.100	5.100						
25	Đường Quốc lộ 1A đi cầu Bến Miếu - đoạn Quốc lộ đến Tiểu đoàn 2-E23	CA tỉnh	Nha Trang	2016-2024	33/NQ-HĐND ngày 09/12/2015; 129/NQ-HĐND ngày 14/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024	3115/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 2785/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 2270/QĐ-UBND ngày 06/8/2021; 3696/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	109.058	88.785	20.273	40.273	68.785	68.785						
26	Nhà khách Công an tỉnh	CA tỉnh	Nha Trang	2023-2025	6285/QĐ-BCA-H01 ngày 15/7/2020; 9452/QĐ-BCA-H01 ngày 19/12/2022; 1092/QĐ-BCA-H01 ngày 27/02/2024	9454/QĐ-BCA-H02 ngày 19/12/2022	293.000	50.000		0	50.000	50.000						
(2)	BCHQS tỉnh										5.000	5.000	0	0				
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										5.000	5.000	0	0				
1	Nhà làm việc Sở chỉ huy Tiểu khu Quân sự tỉnh Stungtreng/Campuchia	BCHQS tỉnh	tỉnh Stung Treng/Campuchia	2023-2025	84/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	1306/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	14.912	14.912		9.000	5.000	5.000						
(3)	Bộ Chỉ huy ĐBBP tỉnh										12.940	12.940	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										12.940	12.940	0	0				

STT	Đanh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:				
																Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
1	Đóng mới Xuồng tuần tra Đồn biên phòng Đầm Môn (PH358)	BCH BDBP tỉnh	Vạn Ninh	2022-2024	39/NQ-HĐND ngày 14/4/2021; 12/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2053/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	13.500	13.500		560	12.940	12.940							
XIII	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư										333.309	138.980	194.329	0					
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										38.900	0	38.900	0					
1	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA ĐTXD CCT NN&PTNT	Nha Trang	2017-2024	338/NQ-HĐND 27/10/2017	3241/QĐ-UBND 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	90.343	90.343		69.394	20.000		20.000						
2	Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư TDP Phú Thọ 2, phường Ninh Diêm, thị xã Ninh Hòa	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Phường Ninh Diêm, Ninh Hòa	2024-2026	10/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	15822/QĐ-CTUBND ngày 28/8/2024	21.309	21.309		2.100	18.900		18.900						
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025										294.409	138.980	155.429	0					
1	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND huyện Vạn Ninh	thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	2023-2025	111/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		261.007	261.007		1.000	198.384	138.980	59.404			Dự án trọng điểm			
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	UBND huyện Vạn Ninh	xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	2024-2025	112/NQ-HĐND ngày 08/12/2023		1.408.000	1.408.000		4.000	50.000		50.000			Dự án trọng điểm			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ		
							Tổng số	Trong đó:								
								Vốn NS tỉnh								Vốn NSTW, ODA
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha trang	UBND TP Nha Trang	xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thái, Nha Trang	2021-2025	94/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 88/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	197.565		80.800	19.200		19.200			
4	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2016-2026	03/NQ-HĐND 31/3/2016	2213/QĐ-UBND 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	161.748		102.341	26.825		26.825			
XIV	Lập quy hoạch tỉnh, các chính sách đầu tư công khác theo quy định									1.024.793	424.162	283.000	169.500	148.131		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023; 39/NQ-HĐND ngày 12/7/2024				438.301	169.500			169.500			Chi tiết theo Phụ lục 2
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022; 26/NQ-HĐND ngày 21/7/2023				259.210	93.411	15.045				78.366	Chi tiết theo Phụ lục 3

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
															Vốn XD CB tập trung		Vốn thu tiền SDB trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	32/NQ-HĐND ngày 30/6/2022; 20/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 05/NQ-HĐND ngày 28/3/2024					482.288	90.924	21.159			69.765	Chi tiết theo Phụ lục 4			
4	Trả nợ quyết toán									49.238	14.798	14.798							
5	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng				11/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021					51.438	14.092	14.092							
6	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh									149.000	88.900	88.900							
7	Đồ án quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu vực núi Chín Khúc	Sở Xây dựng	Nha Trang và Diên Khánh			191/QĐ-SXD ngày 12/9/2024	2.800	2.800		109	2.691	2.691							
8	Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Khánh Hòa đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Xây dựng				2619/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.477	1.477			1.477	1.477							
9	Trích 10% cho ngân sách cấp huyện nơi có phát sinh nguồn thu tiền sử dụng đất										141.500		141.500						
10	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa										407.500	266.000	141.500						
XV	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025			2021-2025	3349/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3350/QĐ-UBND ngày 05/12/2022						342.700	342.700	0	0	0				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2025										342.700	342.700	0	0	0				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Tô Hạp, đoạn qua xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình, Sơn Lâm, Thành Sơn, Khánh Sơn	2024-2025	02/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	914/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	90.000	90.000		25.000	56.000	56.000			
2	Kè chống sạt lở bờ sông Tô Hạp đoạn qua xã Sơn Hiệp và Sơn Bình	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Hiệp và Sơn Bình, Khánh Sơn	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	915/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	60.000	60.000		18.000	38.000	38.000			
3	Hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1179/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	10.000	10.000		3.800	6.200	6.200			
4	Xây dựng Cầu Tà Lương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 27/02/2024	1038/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	25.000	25.000		12.000	10.000	10.000			
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2024-2025	03/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	468/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	9.547	9.547		4.000	5.500	5.500			
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Cầu Bà	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	05/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	901/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	115.975	115.975		2.100	88.000	88.000			
7	Kè bờ và thị trấn Khánh Vĩnh (đoạn từ Cầu Sông Khế, tỉnh lộ 2 đến cầu Hoàng Quốc Việt)	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	2024-2025	06/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	454/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	37.525	37.525		5.500	28.000	28.000			
8	Kè bảo vệ khu dân cư dọc sông Cầu xã Sông Cầu huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Sông Cầu	2024-2025	04/NQ-HĐND ngày 07/3/2024	486/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	42.000	42.000		9.000	30.000	30.000			
9	Đập dâng Tô Hạp 1	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 09/10/2023	3663/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	50.000	50.000		25.300	20.700	20.700			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ	
							Trong đó:									
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								
10	Trường THCS Tô Hạp	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	2024-2025	35/NQ-HBND ngày 09/10/2023	4468/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	30.000		1.200	26.000	26.000				
11	Trường tiểu học Thị trấn Tô Hạp (điểm trường chính)	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô hạp	2024-2025	36/NQ-HBND ngày 09/10/2023	1507/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	15.000	15.000		4.500	10.000	10.000				
12	Kè chống sạt lở từ thôn Tà Nĩa đến đập Đầu Bò Thượng, xã Sơn Trung	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	2024-2025	04/NQ-HBND ngày 27/02/2024	3963/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	30.000	30.000		2.000	24.300	24.300				
XVI	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện										267.831	267.831	0	0	0	
1	Thị xã Ninh Hòa										134.027	134.027				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
2	Huyện Cam Lâm										18.650	18.650				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
3	Thành phố Cam Ranh										81.334	81.334				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
4	Huyện Vạn Ninh										10.520	10.520				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
5	Thành phố Nha Trang										12.600	12.600				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
6	Huyện Khánh Vĩnh										10.700	10.700				Chi tiết tại phần Ghi chú (**)
XVIII	Chưa phân bổ										0					
B	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ (đầu tư theo các ngành, lĩnh vực, chương trình)									0	1.052.853	467.853	585.000			
I	Nguồn XDCB tập trung										467.853	467.853				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Vốn TW hỗ trợ
							Trong đó:								
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA							
1	Thành phố Nha Trang									78.189	78.189				Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa
2	Thành phố Cam Ranh									52.644	52.644				
3	Huyện Cam Lâm									49.200	49.200				
4	Huyện Diên Khánh									64.452	64.452				
5	Thị xã Ninh Hoà									71.832	71.832				
6	Huyện Vạn Ninh									55.104	55.104				
7	Huyện Khánh Vĩnh									55.596	55.596				
8	Huyện Khánh Sơn									40.836	40.836				
II	Nguồn CQSD Đất									585.000		585.000			
1	Thành phố Nha Trang									219.000		219.000			Cấp huyện thực hiện trích 10% nguồn thu sử dụng đất năm 2025 để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa
2	Thành phố Cam Ranh									210.000		210.000			
3	Huyện Cam Lâm									3.000		3.000			
4	Huyện Diên Khánh									27.000		27.000			
5	Thị xã Ninh Hoà									57.000		57.000			
6	Huyện Vạn Ninh									48.000		48.000			
7	Huyện Khánh Vĩnh									18.000		18.000			
8	Huyện Khánh Sơn									3.000		3.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDB trong cân đối		Vốn XSKT	Vốn TW hỗ trợ
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA								

Ghi chú:

- (*) Nguồn bồi chi ngân sách địa phương bao gồm nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội.
- (**) Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện năm 2025:
- (1) Bổ sung có mục tiêu cho thị xã Ninh Hòa là 134,027 tỷ đồng, bao gồm:
- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 12392/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4424/TTr-UBND ngày 10/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) và văn bản số 12488/UBND-KT ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 4310/TTr-UBND ngày 02/10/2024 của UBND TX Ninh Hòa) là 35,72 tỷ đồng.
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh là 43 tỷ đồng (Cầu Đá Bàn, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hoà).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 49 tỷ đồng (Kè chống sạt lở sông Lốt, xã Ninh Đông (đoạn từ bờ sông thôn Phước Thuận đến thôn Quang Đông)).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh là 6,307 tỷ đồng (Mở rộng, nâng cấp đường Vạn Thuận, đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Ba Hồ (Đoạn từ nhà ông Châu đến ngã ba Ba Hồ); Xây dựng Hội trường UBND xã Ninh Quang).
- (2) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Cam Lâm theo văn bản số 12393/UBND-KT ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 268/TTr-UBND ngày 09/10/2024 của UBND huyện Cam Lâm) là 18,65 tỷ đồng.
- (3) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Cam Ranh là 81,334 tỷ đồng, bao gồm:
- Bổ sung có mục tiêu theo văn bản số 11640/UBND-KT ngày 16/10/2024 của UBND tỉnh (Tờ trình số 315/TTr-UBND ngày 12/9/2024 của UBND TP Cam Ranh) là 7 tỷ đồng.
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 64,934 tỷ đồng (Trường TH - THCS Cam Lập, hạng mục: Xây mới 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ (điểm Bãi Ngang); Trường Tiểu học Cam Phước Đông 1, hạng mục: Xây mới 02 phòng học (điểm chính); Xây mới 04 phòng học và hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật (điểm Xóm Mới); Trường TH-THCS Cam Thành Nam, hạng mục: Xây mới nhà đa năng, 04 phòng học bộ môn, thư viện trường và nâng cấp sân đường nội bộ; Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ Cầu Nước Ngọt đến thôn Bình Lập, xã Cam Lập, thành phố Cam Ranh; Kè suối Ông Cào, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh).
 - Bổ sung có mục tiêu theo Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 là 9,4 tỷ đồng (Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Cam Thuận (điểm Thuận Hải); Sửa chữa, cải tạo dãy phòng học Trường Tiểu học Cam Thuận; Sửa chữa, cải tạo Nhà đa năng Trường Tiểu học Cam Nghĩa 1; Cải tạo, sửa chữa Nhà vệ sinh học sinh và tường rào (điểm Hưng Long) và nhà vệ sinh học sinh (điểm Khánh Cam) Trường Tiểu học Ba Ngòi; Xây dựng tường rào Trường THCS Nguyễn Khuyến; Sửa chữa và nâng cấp tường rào Trường THCS Trần Phú; Sửa chữa, cải tạo Nhà hành chính Trường TH&THCS Cam Phúc Nam).
- (4) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Vạn Ninh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,52 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS huyện Vạn Ninh (lớp 3-7)).
- (5) Bổ sung có mục tiêu cho thành phố Nha Trang theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 12,6 tỷ đồng (Hỗ trợ mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và THCS thành phố Nha Trang).
- (6) Bổ sung có mục tiêu cho huyện Khánh Vĩnh theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của HĐND tỉnh là 10,7 tỷ đồng (Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3, lớp 7 thực hiện đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 huyện Khánh Vĩnh).

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
	TỔNG SỐ					304.023	206.343	206.343	36.843	169.500	
I	Huyện Vạn Ninh					20.000	14.000	14.000	0	14.000	
	Hỗ trợ huyện đạt chuẩn huyện NTM					20.000	14.000	14.000	0	14.000	
1	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh	Xã Vạn Thắng	2024-2025		20.000	14.000	14.000	0	14.000	
II	Thị xã Ninh Hòa					199.303	136.792	136.792	34.518	102.274	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới					5.268	3.688	3.688	0	3.688	
(1)	Xã Ninh An					5.268	3.688	3.688	0	3.688	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		2.268	1.588	1.588	0	1.588	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Ngũ Lão (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh An	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
b	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					39.194	25.356	25.356	0	25.356	
(1)	Xã Ninh Thọ					28.554	17.908	17.908	0	17.908	
1	Đường Bình Sơn 4 (Bổ), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2		Xã Ninh Thọ	2025		484	339	339	0	339	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rơi đến xóm bà Dừng		Xã Ninh Thọ	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến cổng địa ông Chúng		Xã Ninh Thọ	2025		1.600	1.120	1.120	0	1.120	
4	Đường Lạc An đi Ninh Điện, đoạn từ Cổng đến khu mũi dùi		Xã Ninh Thọ	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong		Xã Ninh Thọ	2025		1.052	736	736	0	736	
6	Mương đồng Vui		Xã Ninh Thọ	2025		1.152	806	806	0	806	
7	Nhánh N3-5 Mũi Dùi		Xã Ninh Thọ	2025		1.240	868	868	0	868	
8	Nhánh N3- Ô Khanh		Xã Ninh Thọ	2025		1.240	868	868	0	868	
9	Mương N3-7A		Xã Ninh Thọ	2025		1.252	876	876	0	876	
10	Mương Đồng Trong		Xã Ninh Thọ	2025		1.252	876	876	0	876	
11	Mương Bảy Bình		Xã Ninh Thọ	2025		1.100	770	770	0	770	
12	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		2.575	1.803	1.803	0	1.803	
13	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		2.060	1.442	1.442	0	1.442	
14	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Thọ	2025		5.847	4.093	4.093	0	4.093	
15	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ		Xã Ninh Thọ	2025		5.200	1.560	1.560	0	1.560	
(2)	Xã Ninh Lộc					10.640	7.448	7.448	0	7.448	
1	Đường nội đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTHC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chắt (Đường quy hoạch giao thông mới)	UBND xã Ninh Lộc	Xã Ninh Lộc	2025		1.028	720	720	0	720	
2	Kiến cố hóa kênh mương Bọng đoạn cuối		Xã Ninh Lộc	2025		1.400	980	980	0	980	
3	Kiến cố hóa kênh mương Trảng Thờ		Xã Ninh Lộc	2025		1.100	770	770	0	770	

STT	Nội dung	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bổ trợ giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn NS tính bổ trợ đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bổ trợ năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
4	Kiến cổ hóa kênh mương Cầu Quê Thôn Tân-Vạn Khê		Xã Ninh Lộc	2025		1.200	840	840	0	840	
5	Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cộ		Xã Ninh Lộc	2025		700	490	490	0	490	
6	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Lộc	2025		2.575	1.803	1.803	0	1.803	
7	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)		Xã Ninh Lộc	2025		470	329	329	0	329	
8	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Lộc	2025		2.166	1.516	1.516	0	1.516	
c	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					10.788	7.551	7.551	0	7.551	
(1)	Xã Ninh Đông					10.788	7.551	7.551	0	7.551	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		3.226	2.258	2.258	0	2.258	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		2.660	1.862	1.862	0	1.862	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Đông	Xã Ninh Đông	2025		4.902	3.431	3.431	0	3.431	
d	Hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					144.053	100.198	100.198	34.518	65.680	
(1)	Xã Ninh Ích					27.892	19.524	19.524	0	19.524	
1	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Chừ đến nhà ông Long	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.134	794	794	0	794	
2	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà bà Yến đến nhà ông Xị	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.219	853	853	0	853	
3	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Sửu đến nhà ông Xưa	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		2.499	1.749	1.749	0	1.749	
4	Đường BTXM thôn Tân Phú đoạn từ nhà ông Xưa đến nhà ông Chừ	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		1.724	1.207	1.207	0	1.207	
5	BTXM đường nội đồng từ nhà bà Máy đến ruộng Máng	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		4.000	2.800	2.800	0	2.800	
6	Kiến cổ hóa kênh mương ruộng ông thiện, bà huấn	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		500	350	350	0	350	
7	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		5.814	4.070	4.070	0	4.070	
8	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đảng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		7.341	5.139	5.139	0	5.139	
9	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	UBND xã Ninh Ích	Xã Ninh Ích	2025		3.661	2.563	2.563	0	2.563	
(2)	Xã Ninh Quang					11.969	8.378	8.378	6.000	2.378	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2965/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024, 8846/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.587	6.011	6.011	4.300	1.711	
2	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Quang	2024-2025	2964/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 10804/QĐ-CTUBND ngày 19/8/2024	3.382	2.367	2.367	1.700	667	
(3)	Xã Ninh Sơn					8.293	5.805	5.805	0	5.805	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn (Hạng mục: phòng học)		Xã Ninh Sơn	2025		4.301	3.011	3.011	0	3.011	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)		Xã Ninh Sơn	2025		1.372	960	960	0	960	
3	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Sơn	2025		2.620	1.834	1.834	0	1.834	
(4)	Xã Ninh Sơn					11.790	8.254	8.254	5.400	2.854	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-BT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bố trí giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bố trí đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bố trí năm 2025 (Nguồn số kiểm thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2955/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8839/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	2.815	1.971	1.971	1.400	571	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2956/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8847/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.928	3.450	3.450	2.000	1.450	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Sơn	2024-2025	2854/QĐ-CTUBND ngày 01/7/2024 và 8844/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	4.047	2.833	2.833	2.000	833	
(5) Xã Ninh Tân						27.913	19.539	19.539	10.118	9.421	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2966/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8840/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.893	5.525	5.525	3.118	2.407	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Tân	2024-2025	2967/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8849/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	20.020	14.014	14.014	7.000	7.014	
(6) Xã Ninh Thuận						23.909	16.736	16.736	10.000	6.736	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thuận	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2968/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8842/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.342	5.839	5.839	4.000	1.839	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thuận	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2931/QĐ-CTUBND ngày 04/7/2024 và 8848/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	7.182	5.027	5.027	3.000	2.027	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thuận	2024-2025	2937/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8850/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	8.385	5.870	5.870	3.000	2.870	
(7) Xã Ninh Thượng						6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hạng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	Ban QLDA các CTXD Ninh Hòa	Xã Ninh Thượng	2024-2025	2961/QĐ-CTUBND ngày 05/7/2024 và 8843/QĐ-CTUBND ngày 15/8/2024	6.428	4.500	4.500	3.000	1.500	
(8) Xã Ninh Trung						16.875	11.173	11.173	0	11.173	
1	Đường nội đồng từ nhà ông Khanh - nương đồng giữa		Xã Ninh Trung	2025		400	280	280	0	280	
2	Khẩu ông Tiễn - Ruộng đội 4		Xã Ninh Trung	2025		400	280	280	0	280	
3	Kênh từ nhà ông Toàn đến nhà ông Huy		Xã Ninh Trung	2025		700	490	490	0	490	
4	Kênh từ bà Mười đến đồng đưng (Gđ2)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Kênh từ N1T đến Đồng Cũ (gđ2)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	700	700	0	700	
6	Tuyến Mương Cái Quảng Cư (gđ2)		Xã Ninh Trung	2025		1.200	840	840	0	840	
7	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Trung	2025		4.815	3.371	3.371	0	3.371	
8	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Trung	2025		3.280	2.296	2.296	0	2.296	
9	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)		Xã Ninh Trung	2025		2.480	1.736	1.736	0	1.736	
10	Trung tâm văn hóa (Sân bóng đá mini, Bể tập bơi)		Xã Ninh Trung	2025		1.000	300	300	0	300	
11	Sửa chữa, nâng cấp chợ		Xã Ninh Trung	2025		600	180	180	0	180	

STT	Nội dung	Chức năng	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-BT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bố trí giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bố trí đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bố trí năm 2025 (Nguồn số số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
(9)	Xã Ninh Xuân					8.984	6.289	6.289	0	6.289	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		2.060	1.442	1.442	0	1.442	
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thống, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		3.336	2.335	2.335	0	2.335	
3	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		1.500	1.050	1.050	0	1.050	
4	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)		Xã Ninh Xuân	2025		2.088	1.462	1.462	0	1.462	
III	Huyện Diên Khánh					3.000	2.100	2.100	0	2.100	
1	Điện chiếu sáng đường Diên Phú-Diên Điền-Diên Sơn (Đoạn: Quốc lộ 1A đến đình Đại Điện Nam).		Xã Diên Phú, Diên Điền, Diên Sơn	2025		3.000	2.100	2.100	0	2.100	
IV	Huyện Cam Lâm					36.138	23.297	23.297	2.325	20.972	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					25.038	15.527	15.527	0	15.527	
(1)	Xã Suối Cát					8.300	3.810	3.810	0	3.810	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Xương		Xã Suối Cát	2025		5.000	1.500	1.500	0	1.500	
2	Xây 01 phòng học ngoại ngữ tại trường Khánh Hòa Jeju	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	916/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1.300	910	910	0	910	
3	Sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học Trường Tiểu học Suối Cát	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Suối Cát	2024-2025	915/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	2.000	1.400	1.400	0	1.400	
(2)	Xã Cam Hiệp Nam					6.588	4.612	4.612	0	4.612	
1	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2025	869/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.188	832	832	0	832	
2	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)		Xã Cam Hiệp Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
3	Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vĩnh Thái (đường thôn)		Xã Cam Hiệp Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
4	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hiệp Nam	2024-2025	917/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.000	2.100	2.100	0	2.100	
(3)	Xã Cam Hòa					10.150	7.105	7.105	0	7.105	
1	Trường tiểu học Cam Hòa 1	Ban QLDA huyện Cam Lâm	Xã Cam Hòa	2024-2025	918/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.150	7.105	7.105	0	7.105	
b	Hỗ trợ xã nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					11.100	7.770	7.770	2.325	5.445	
(1)	Xã Cam Tân					6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
1	Trường Tiểu học Cam Tân		Xã Cam Tân	2024-2025	674/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	6.500	4.550	4.550	2.325	2.225	
(2)	Xã Cam An Nam					4.600	3.220	3.220	0	3.220	
1	BTXM đường hồ bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		2.000	1.400	1.400	0	1.400	
2	BTXM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		400	280	280	0	280	
3	Đường Dồn điện Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyễn Nghi đến - Nguyễn Dũng (đường sắt)		Xã Cam An Nam	2025		1.200	840	840	0	840	
4	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)		Xã Cam An Nam	2025		1.000	700	700	0	700	
V	Thành phố Cam Ranh					9.000	3.500	3.500	0	3.500	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					2.000	600	600	0	600	
(1)	Xã Cam Bình					2.000	600	600	0	600	
1	Xây dựng chợ thôn Bình Hưng		Xã Cam Bình	2025		2.000	600	600	0	600	
b	Hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí					7.000	2.900	2.900	0	2.900	
(1)	Xã Cam Thịnh Tây					5.000	1.500	1.500	0	1.500	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NS tính bố trí giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn NS tính bố trí đến hết năm 2024	Dự kiến kế hoạch vốn NS tính bố trí năm 2025 (Nguồn và số kiến thiết)	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT					
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NS tính				
1	Trung tâm sinh hoạt văn hóa thể thao xã		Xã Cam Thịnh Tây	2025		5.000	1.500	1.500	0	1.500	
(2)	Xã Cam Thịnh Đông					2.000	1.400	1.400	0	1.400	
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh Ruộng Bấu Mỹ Thanh		Xã Cam Thịnh Đông	2025		2.000	1.400	1.400	0	1.400	
VI	Huyện Khánh Vĩnh					19.083	9.154	9.154	0	9.154	
a	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới					7.000	2.100	2.100	0	2.100	
(1)	Xã Khánh Đông					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
1	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	UBND xã Khánh Đông	Xã Khánh Đông	2025	133/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
(2)	Xã Khánh Bình					3.500	1.050	1.050	0	1.050	
2	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Bình	UBND xã Khánh Bình	Xã Khánh Bình	2025	218/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.500	1.050	1.050	0	1.050	
b	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao					6.583	3.404	3.404	0	3.404	
(1)	Xã Sông Cầu					6.583	3.404	3.404	0	3.404	
1	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	173/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.583	2.504	2.504	0	2.504	
2	Nâng cấp sân vận động xã	UBND xã Sông Cầu	Xã Sông Cầu	2025	174/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	3.000	900	900	0	900	
c	Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí					5.500	3.650	3.650	0	3.650	
(1)	Xã Khánh Phú					5.000	3.500	3.500	0	3.500	
1	Bê tông hóa đường Nhà văn hóa Giang Mương đi Cao Lược		Xã Khánh Phú	2025	230/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
2	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Dũng đến đất ông Chúc - Nghĩa địa Nước nhĩ	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	228/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
3	Bê tông hóa đường ông Chính đi ông Sơn		Xã Khánh Phú	2025	231/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
4	Bê tông hóa đường từ đất ông Minh đến đất ông Trung gần đá bản		Xã Khánh Phú	2025		1.000	700	700	0	700	
5	Bê tông hóa đường từ đất ông Cao Duy Truyền đến đất ông Cao Nghiệp	UBND xã Khánh Phú	Xã Khánh Phú	2025	229/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.000	700	700	0	700	
(2)	Xã Khánh Hiệp					500	150	150	0	150	
1	Xây sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao xã		Xã Khánh Hiệp	2025		500	150	150	0	150	
VII	Huyện Khánh Sơn					17.500	17.500	17.500	0	17.500	
a	Hỗ trợ xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
(1)	Xã Sơn Trung					2.000	2.000	2.000	0	2.000	
1	Trường Tiểu học Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2024-2025		2.000	2.000	2.000	0	2.000	
b	Hỗ trợ nhằm không còn xã dưới 15 tiêu chí					15.500	15.500	15.500	0	15.500	
(1)	Xã Thành Sơn					9.500	9.500	9.500	0	9.500	
1	Trường Tiểu học và THCS Thành Sơn		Xã Thành Sơn	2024-2025		9.500	9.500	9.500	0	9.500	
(2)	Xã Ba Cụt Nam					6.000	6.000	6.000	0	6.000	
1	Công trình trường Mầm non Hoa Phượng xã Ba Cụt Nam		Xã Ba Cụt Nam	2025		6.000	6.000	6.000	0	6.000	

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh			
	TỔNG SỐ							109.200	91.688	17.512	15.750	13.283	2.467	93.411	78.366	15.045		
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP							23.492	13.340	10.152	15.750	13.283	2.467	7.703	18	7.685		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							18.441	8.920	9.521	11.250	8.863	2.387	7.152	18	7.134		
a	Huyện Khánh Vĩnh							8.600	3.000	5.600	2.943	2.943	0	5.618	18	5.600		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Cầu Bà	P. Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2024-2025	941/QĐ- UBND ngày 17/11/2023	11.000	3.000	5.600	8.600	3.000	5.600	2.943	2.943		5.618	18	5.600	
b	Thành phố Cam Ranh							9.841	5.920	3.921	8.307	5.920	2.387	1.534	0	1.534		
1	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Suối Rua, xã Cam Thịnh Tây vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Tây	2024-2025	1862/QĐ- UBND ngày 24/11/2023	4.985	2.920	1.448	4.453	2.920	1.533	3.955	2.920	1.035	498		498	
2	Nối mạng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS tại Xóm Mới, Xóm Suối Hai, Xóm Ba Hùng thuộc thôn Giải Phóng vào hệ thống cấp nước do Công ty CP Đô thị Cam Ranh quản lý; Bổ sung hạng mục "Lắp đặt tuyến ống rãnh vào nhà và đồng hồ nước cho hộ đồng bào DTTS"	P. Dân tộc Cam Ranh	Xã Cam Phước Đông	2024-2025	1869/QĐ- UBND ngày 28/11/2023	4.930	3.000	1.400	5.388	3.000	2.388	4.352	3.000	1.352	1.036		1.036	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống							5.051	4.420	631	4.500	4.420	80	551	0	551		
a	Sở Y tế							3.774	3.283	491	3.283	3.283	0	491	0	491		
1	Xây mới Trạm y tế xã Khánh Hiệp	Sở Y tế	Xã Khánh Hiệp	2024-2025	553/QĐ- UBND ngày 01/3/2024	3.774	3.283	491	3.774	3.283	491	3.283	3.283		491		491	
b	Huyện Khánh Sơn							1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60	0	60		

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh			
																NSTW		Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)
I	Nối tiếp đường BTXM vào KSX TDP Hạp Cường	UBND TT. Tô Hạp	TT. Tô Hạp	2024-2025	2493/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3652/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	1.499	1.137	140	1.277	1.137	140	1.217	1.137	80	60	60		
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI								85.708	78.348	7.360				85.708	78.348	7.360	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
	Huyện Khánh Vĩnh								4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
I	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tà Gộc, xã Khánh Thượng		Xã Khánh Thượng	2025					4.400	3.000	1.400				4.400	3.000	1.400	
II	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống								68.815	64.081	4.734				68.815	64.081	4.734	
II.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại địa bàn ĐBK								67.931	63.281	4.650	0	0	0	67.931	63.281	4.650	
a	Huyện Khánh Vĩnh								30.389	28.199	2.190	0	0	0	30.389	28.199	2.190	
I	Bê tông hóa đường Ly Tân đi Cao Là Miên		Xã Khánh Phú	2025					2.499	2.262	237				2.499	2.262	237	
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vào khu dân cư thôn A Xay		Xã Khánh Nam	2025					1.455	1.238	217				1.455	1.238	217	
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ nhà bà Ngô Thị Ngọc đến đất ông Giỏi		Xã Khánh Nam	2025					485	413	72				485	413	72	
4	Đường vào khu sản xuất Suối A Pan, thôn Đá Bàn (giáp xã Khánh Thành)		Xã Cầu Bà	2025					3.938	3.480	458				3.938	3.480	458	
5	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Lương Văn Mên đến rẫy ông Cao Văn Gương		Xã Khánh Trung	2025					1.000	870	130				1.000	870	130	
6	Đường từ đất ông Cao Xuân Dưa đến đất Nguyễn Đại Hà, xã Khánh Nam		Xã Khánh Nam	2025					1.441	1.305	136				1.441	1.305	136	
7	Nối tiếp tuyến đường từ nhà bà Nguyễn Thị Bích Phương vào khu sản xuất Sông Chò, xã Khánh Hiệp		Xã Khánh Hiệp	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
8	Đường nối C19 đi Suối Cù thôn Ngã Hai, xã Khánh Phú		Xã Khánh Phú	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)		
							NSTW											NS tỉnh
9	Xây dựng đường sản xuất từ tỉnh lộ 8 đến nhà ông Cao Văn Phương		Xã Khánh Bình	2025					1.000	870	130				1.000	870	130	
10	Trường Tiểu học Khánh Trung (Điểm Bắc Sông Giang). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân, nhà xe		Xã Khánh Trung	2025					950	826	124				950	826	124	
11	Trường Mầm non Hoa Mai (Điểm Đa Râm). Hạng mục: Xây dựng cổng, tường rào, sân		Xã Khánh Thượng	2025					950	826	124				950	826	124	
12	Nối tiếp đường vào khu sản xuất Đá Trắng (đầu nguồn nước tự chảy), xã Cầu Bà		Xã Cầu Bà	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
13	Đường vào khu sản xuất suối Là Bó (từ đất rẫy ông A Chá đến đất ông Cao Ty), xã Liên Sang		Xã Liên Sang	2025					1.153	1.044	109				1.153	1.044	109	
14	Tuyến đường Từ điểm giữa Tuyến B17 (đất nhà ông Cao Thanh Tuyền) đi vào khu sản xuất		Xã Khánh Hiệp	2025					1.199	1.073	126				1.199	1.073	126	
15	Đường từ khu dân cư Ma Lý đi qua bãi xử lý rác đến đường Khánh Thành - Khánh Phú		Xã Khánh Thành	2025					1.300	1.300					1.300	1.300		
16	Đầu tư nâng cấp tuyến 8: Đường nội đồng thôn Đá Bàn		Xã Cầu Bà	2025					3.200	3.200					3.200	3.200		
17	Nối tiếp tuyến đường A Quân Thủy vào đồng ruộng		Xã Khánh Thượng	2025					1.100	1.100					1.100	1.100		
18	Đường vào khu sản xuất đồng Bến Lội (từ hộ ông Hà Đây đến hộ ông Cao Cà Ma)		Xã Sơn Thái	2025					3.000	3.000					3.000	3.000		
19	Đường vào khu sản xuất chân núi Hòn Mưa		Xã Khánh Trung	2025					1.260	1.260					1.260	1.260		
20	Đường rẫy ông Bùi Văn Hương đến rẫy ông Cao Định		Tổ 5, TT. Khánh Vĩnh	2025					1.000	1.000					1.000	1.000		
b	Huyện Khánh Sơn								31.852	30.566	1.286	0	0	0	31.852	30.566	1.286	
1	Trường TH Sơn Bình (điểm trường chính). Hạng mục: Xây mới và nâng cấp sửa chữa phòng học		Xã Sơn Bình	2025					5.500	5.138	362				5.500	5.138	362	
2	Trường THCS Ba Cùm Bắc. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa khu phòng học và khu làm việc của nhà trường		Xã Ba Cùm Bắc	2025					2.000	1.740	260				2.000	1.740	260	

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
3	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM liên xã đến nhà ông Mầu Chuẩn (thôn Ma O) xã Sơn Trung		Xã Sơn Trung	2025					491	491				491	491			
4	Đường BTXM từ nhà ông Cao Trường B đi khu sản xuất thôn Apa 1, xã Thành Sơn		Xã Thành Sơn	2025					958	858	100				958	858	100	
5	Xây dựng BTXM đường Dốc Chùa thôn Chi Chây		Xã Sơn Trung	2025					1.000	436	564				1.000	436	564	
6	Xây dựng nhà cộng đồng thôn Dốc Gạo, thị trấn Tô Hạp		TT. Tô Hạp	2025					1.466	1.466					1.466	1.466		
7	Nhà Văn hóa xã Ba Cùm Nam		Xã Ba Cùm Nam	2025					2.216	2.216					2.216	2.216		
8	Đường BTXM vào khu sản xuất Suối Đầu bò GD1		Xã Ba Cùm Nam	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
9	Nâng cấp đường BTXM từ ngã 3 thôn Ko Róa đi ra suối xã Sơn Lâm		Xã Sơn Lâm	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
10	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm (đoạn từ rẫy ông Xá vào khu sản xuất)		Xã Sơn Lâm	2025					1.922	1.922					1.922	1.922		
11	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM xóm 8 thôn Ma O		Xã Sơn Trung	2025					943	943					943	943		
12	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Tà Giang 1		Xã Thành Sơn	2025					1.070	1.070					1.070	1.070		
13	Nâng cấp và mở rộng Đường BTXM thôn Apa 2 đi cầu treo		Xã Thành Sơn	2025					186	186					186	186		
14	Nâng cấp mở rộng đường nhà bà Phương đi khu sản xuất (đoạn từ rẫy ông Pháp đi khu sản xuất) thôn Ha Nit, xã Sơn Lâm.		Xã Sơn Lâm	2025					964	964					964	964		
15	Kẻ chống sỏi lở dọc suối Cờ rã nóa đoạn từ đất ông Mầu Hồng Xuyên đến đất bà Mầu Thị Bảy		Xã Sơn Bình	2025					914	914					914	914		
16	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xá Bời đi thôn Hòn Dung giai đoạn 2		Xã Sơn Hiệp	2025					1.100	1.100					1.100	1.100		
17	Đường từ đất ông Huật vào khu sản xuất thôn Hòn Dung		Xã Sơn Hiệp	2025					875	875					875	875		
18	Đường BTXM vào khu sản xuất thôn Chi Chay (nhánh 2)		Xã Sơn Trung	2025					1.680	1.680					1.680	1.680		

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)		
							NSTW											NS tỉnh
19	Nối tiếp và nâng cấp đường từ Trường Tiểu học xã Ba Cùm Bắc đi vào khu sản xuất xóm 4, thôn Dốc Trầu, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2025				1.786	1.786				1.786	1.786				
20	Đường vào khu sản xuất Xóm 8 Liên Bình		Xã Sơn Bình	2025				773	773				773	773				
21	Đường vào khu dân cư từ nhà Bo Bo Lang đến nhà ông Cao Văn Đường		Xã Sơn Bình	2025				673	673				673	673				
22	Nâng cấp mở rộng đường BTMX từ nhà ông Bo Bo Tới đi vào khu sản xuất xóm 15, thôn A Thi, xã Ba Cùm Bắc		Xã Ba Cùm Bắc	2025				698	698				698	698				
23	Nâng cấp mở rộng nối tiếp đường BTXM từ nhà ông Đoàn Bá Lộc vào khu sản xuất thôn Du Oai, xã Sơn Lâm							793	793				793	793				
c	Huyện Cam Lâm							4.351	3.445	906			4.351	3.445	906			
1	Đầu tư đường vào khu sản xuất thôn Suối Lau 3 (đoạn từ Trường Mẫu giáo đến ruộng ông Cao Xem)		Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2025				750	750				750	750				
2	Đường từ rẫy Tro Thị Hoa tới Cao Trị		Xã Sơn Tân	2025				1.150	925	225			1.150	925	225			
3	Nâng cấp đường từ nhà máy nước đến khu sản xuất thôn Va Ly nổi dài		Xã Sơn Tân	2025				1.000	1.000				1.000	1.000				
4	Đường từ rẫy ông Bo Bo Tịnh - rẫy ông Tấn, thôn Va Ly		Xã Sơn Tân	2025				681		681			681		681			
5	Đầu tư sửa chữa nâng cấp mở rộng đường bê tông từ nhà Mang Thành đến nhà Mẫu Riệp thôn Suối Cốc		Xã Sơn Tân	2025				770	770				770	770				
d	Huyện Diên Khánh							1.339	1.071	268			1.339	1.071	268			
1	Kênh mương tưới, tiêu đồng ruộng Lỗ Rong thôn Lỗ Gia		Xã Suối Tiên	2025				573	405	168			573	405	168			
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới vùng ruộng 3,4 ha của các hộ đồng bào dân tộc thôn Đá Mài, xã Diên Tân.		Xã Diên Tân	2025				766	666	100			766	666	100			
IL2	Nâng cấp, sửa chữa Chợ vùng đồng bào DTTS&MN							884	800	84			884	800	84			
	Huyện Khánh Sơn							884	800	84			884	800	84			
1	Chợ Sơn Lâm: - Đầu tư xây dựng mới các hạng mục: bể nước nguồn; nhà điều hành; hệ thống điện chiếu sáng; nhà để xe)		Xã Sơn Lâm	2025				884	800	84			884	800	84			

S TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)		
							NSTW											NS tỉnh
III	Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh								1.048	911	137				1.048	911	137	
	Trường phổ thông DTNT huyện Khánh Sơn			2025					1.048	911	137				1.048	911	137	
	Hạng mục: Sửa chữa khu phòng ở nội trú học sinh và khu vệ sinh chung của học sinh		Trường DTNT Khánh Sơn						1.048	911	137				1.048	911	137	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch								8.742	7.912	830				8.742	7.912	830	
a	Huyện Khánh Vĩnh								4.371	3.956	415				4.371	3.956	415	
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS		Xã Khánh Trung	2025					3.914	3.542	372				3.914	3.542	372	
2	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Giang Ly	2025					457	414	43				457	414	43	
b	Huyện Khánh Sơn								4.371	3.956	415				4.371	3.956	415	
1	Xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS		Xã Sơn Hiệp	2025					457	414	43				457	414	43	
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS		Xã Sơn Hiệp	2025					3.914	3.542	372				3.914	3.542	372	
V	Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN								2.703	2.444	259				2.703	2.444	259	
a	Phân bổ vốn cho sở, ngành								71	62	9				71	62	9	
	Liên minh HTX tỉnh: 0,5%								71	62	9				71	62	9	
	- Chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN			2025					71	62	9				71	62	9	
b	Phân bổ cho các địa phương								2.632	2.382	250				2.632	2.382	250	
	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã								2.632	2.382	250				2.632	2.382	250	
	- Huyện Khánh Vĩnh			2025					1.874	1.696	178				1.874	1.696	178	
	- Huyện Cam Lâm			2025					701	635	66				701	635	66	
	- Huyện Diên Khánh			2025					22	20	2				22	20	2	
	- Thị xã Ninh Hòa			2025					35	31	4				35	31	4	

PHỤ LỤC 4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)
	TỔNG SỐ							345.412	324.253	21.159	254.488	254.488	0	90.924	69.765	21.159		
A	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo							266.412	245.253	21.159	199.405	199.405	0	67.007	45.848	21.159		
I	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo							251.962	230.803	21.159	186.928	186.928	0	65.034	43.875	21.159		
L1	Huyện Khánh Vĩnh							177.292	160.803	16.489	136.928	136.928	0	40.364	23.875	16.489		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							108.337	91.848	16.489	70.273	70.273	0	38.064	21.575	16.489		
1	Kê chống sạt lở bờ hữu sông Cái (xã Cầu Bà - Liên Sang)	Phòng NN&PTNT huyện Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà, Liên Sang	2022-2025	670/QĐ-UBND 09/8/2022	80.000	80.000		63.768	63.768		60.000	60.000		3.768	3.768		
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt các xã cánh Bắc: Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	Ban QLDA các CTXD Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình, Khánh Đông, Khánh Hiệp	2024-2025	1212/QĐ-UBND 18/10/2024	53.616	28.080	16.489	44.569	28.080	16.489	10.273	10.273		34.296	17.807	16.489	
b	Giao thông							68.955	68.955	0	66.655	66.655	0	2.300	2.300	0		
1	Cầu Sông Trang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022-2023	666/QĐ-UBND 09/8/2022	79.955	79.955		68.955	68.955		66.655	66.655		2.300	2.300		
L2	Huyện Khánh Sơn							74.670	70.000	4.670	50.000	50.000	0	24.670	20.000	4.670		
	Giao thông							74.670	70.000	4.670	50.000	50.000	0	24.670	20.000	4.670		
1	Đường từ cầu trần Suối Lớn xã Ba Cùm Nam đến xã Ba Cùm Bắc (giai đoạn 2)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	Xã Ba Cùm Nam, Ba Cùm Bắc	2022-2025	2928/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	40.000	35.000		35.000	35.000		15.000	15.000		20.000	20.000		
2	Xây dựng tuyến đường từ thôn Dốc Gạo thị trấn Tô Hạp đi thôn Xóm Cỏ xã Sơn Bình	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp, xã Sơn Bình	2022-2025	2093/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	39.989	35.000		39.670	35.000	4.670	35.000	35.000		4.670		4.670	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh	NSTW		Ngân sách tỉnh		
II	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển (Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh)							14.450	14.450	0	12.477	12.477	0	1.973	1.973	0	
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							5.000	5.000	0	4.974	4.974	0	26	26	0	
1	Xây dựng bờ kè đoạn từ cầu cảng đến nhà ông Tót, thôn Diệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Diệp Sơn	2023-2024	159/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.990	1.990		10	10		
2	Xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Trang đến nhà ông Toàn, thôn Diệp Sơn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Diệp Sơn	2024-2025	160/QĐ-UBND 15/11/2023	2.000	2.000	2.000	2.000		1.987	1.987		13	13		
3	Xây dựng bờ kè Khai Lương, thôn Khai Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	173/QĐ-UBND 08/8/2022	1.000	1.000	1.000	1.000		997	997		3	3		
b	Giao thông							2.580	2.580	0	2.348	2.348	0	232	232	0	
1	Xây dựng đường BTXM thôn Vĩnh Yên	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Vĩnh Yên	2022-2023	179/QĐ-UBND 08/8/2022	1.298	1.298	1.290	1.290		1.176	1.176		114	114		
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Bùi Văn Chính đến nhà ông Bùi Trọng Nhựt thôn Khai Lương	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Khai Lương	2022-2023	181/QĐ-UBND 08/8/2022	1.294	1.294	1.290	1.290		1.172	1.172		118	118		
c	Cấp nước							2.490	2.490	0	1.272	1.272	0	1.218	1.218	0	
1	Bổ sung giếng khoan thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	174/QĐ-UBND 08/8/2022	1.299	1.299	1.290	1.290		1.272	1.272		18	18		
2	Hệ thống xử lý nước sạch thôn Đầm Môn		Thôn Đầm Môn	2024-2025		1.200	1.200	1.200	1.200		0	0		1.200	1.200		
d	Công nghiệp (mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo)							1.390	1.390	0	1.383	1.383	0	7	7	0	
1	Hệ thống điện chiếu sáng 03 thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn (giai đoạn 2)	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn	2022-2023	176/QĐ-UBND 08/8/2022	1.399	1.399	1.390	1.390		1.383	1.383		7	7		
e	Văn hóa thông tin							2.680	2.680	0	2.500	2.500	0	180	180	0	
1	Xây dựng khu vui chơi, giải trí thể thao thôn Đầm Môn	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Đầm Môn	2022-2023	178/QĐ-UBND 08/8/2022	1.199	1.199	1.190	1.190		1.100	1.100		90	90		
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa thôn Ninh Tân	UBND xã Vạn Thạnh	Thôn Ninh Tân	2022-2023	172/QĐ-UBND 08/8/2022	1.499	1.499	1.490	1.490		1.400	1.400		90	90		
f	Chưa phân bổ							310	310	0				310	310		

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025			Lấy kế vốn bố trí đến hết năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh (Nguồn XDCB tập trung)	
							NSTW	NS tỉnh										
B	Tiểu dự án 2. Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt								79.000	79.000	0	55.083	55.083	0	23.917	23.917	0	
1	Đường liên xã Sơn Lâm đi xã Thành Sơn	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Sơn	Xã Sơn Lâm, Thành Sơn	2023-2025	1044/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	79.000	79.000		79.000	79.000		55.083	55.083		23.917	23.917		

